SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 8 NĂM 2022



HƯNG YÊN, THÁNG 9/2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 8 NĂM 2022

Đơn vị thực hiện:
TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HƯNG YÊN, THÁNG 9/2022

MỤC LỤC

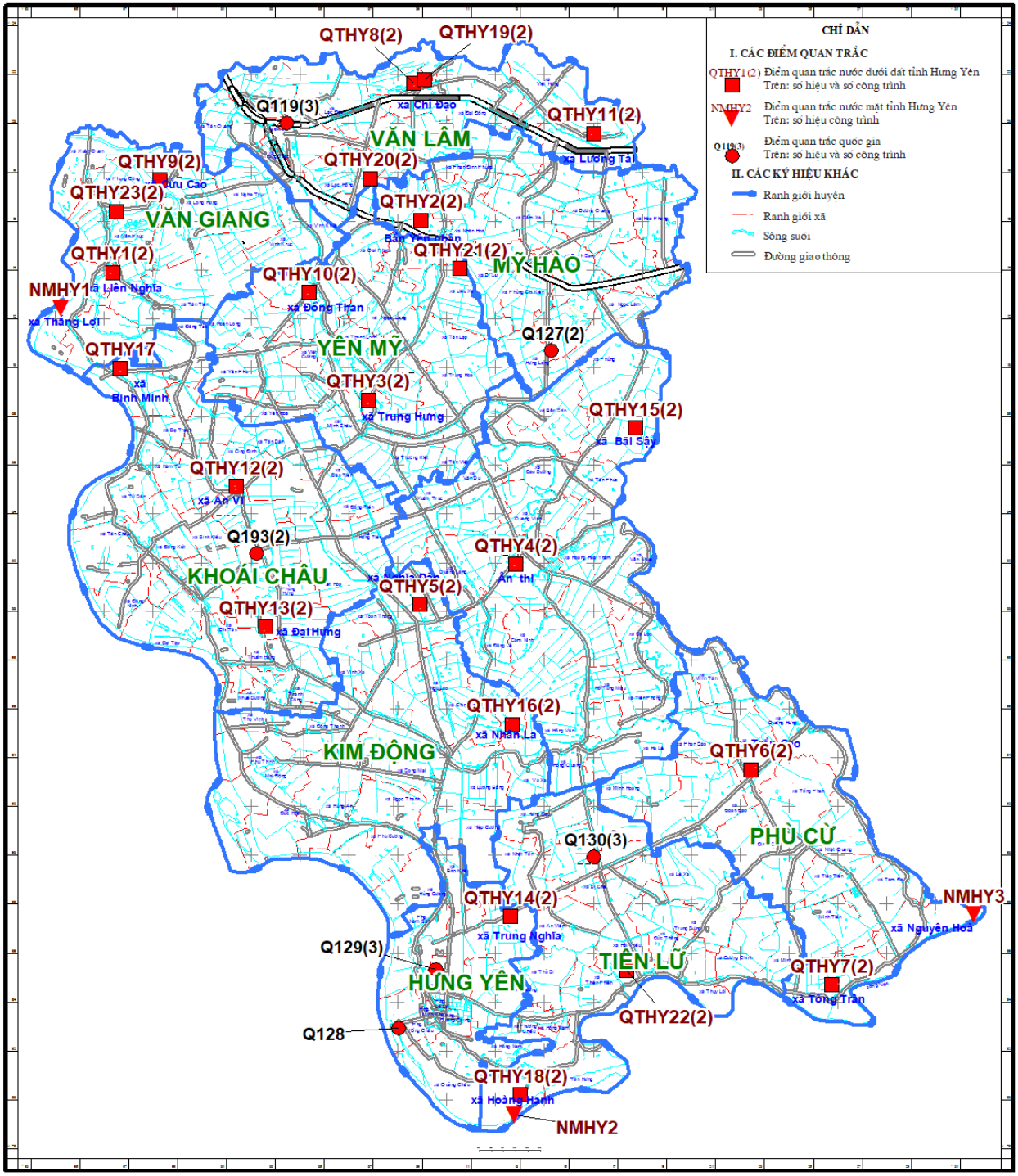
I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất 6
I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 6
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 7
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất 8
II.1. Thành phố Hưng Yên 8
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 8
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 9
II.2. Huyện Văn Lâm 11
II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 11
II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 13
II.3. Huyện Văn Giang 15
II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 15
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 16
II.4. Thị xã Mỹ Hào 18
II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 18
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 19
II.5. Huyện Yên Mỹ 21
II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 21
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 22
II.6. Huyện Ân Thi 24
II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 24
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 25
II.7. Huyện Khoái Châu 27
II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 27
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 28
II.8. Huyện Kim Động 30
II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 30
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 31
II.9. Huyện Phù Cừ 33
II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 33
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 34
II.10. Huyện Tiên Lữ 35
II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 35
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 37

LỜI NÓI ĐẦU

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước dưới đất hàng tháng cung cấp thông tin, diễn biến mực nước tại các trạm quan trắc TNN nhằm phục vụ kịp thời hiệu quả cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên được công bố định kỳ hàng tháng dựa trên kết quả quan trắc tại 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất. Ngoài ra trong bản tin có sử dụng các công trình quan trắc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước để đánh giá diễn biến tài nguyên nước dưới đất ở hai tầng chứa nước chính qh và qp.

Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước nằm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc sự quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên. Hiện tại có 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, phân bố ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Ân Thi, Thị xã Mỹ Hào, Tiên Lữ và Thành phố Hưng Yên.



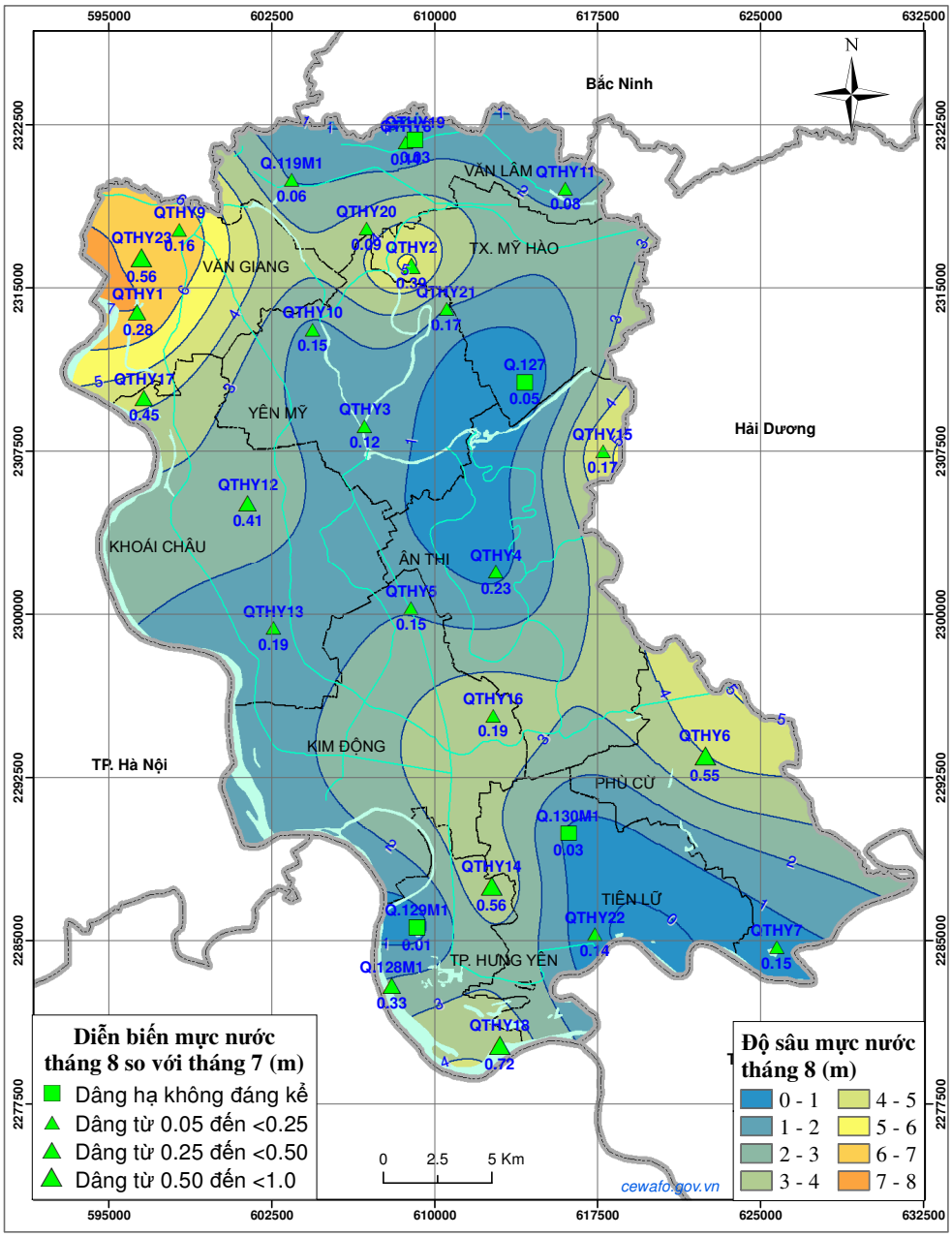
Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên

I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất

I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Trong tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7, có 24/28 công trình mực nước dâng và 4/28 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,72m tại xã Hoàng Hanh, TP Hưng Yên (QTHY18).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,18m tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ (QTHY22), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,92m tại xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang (QTHY1).

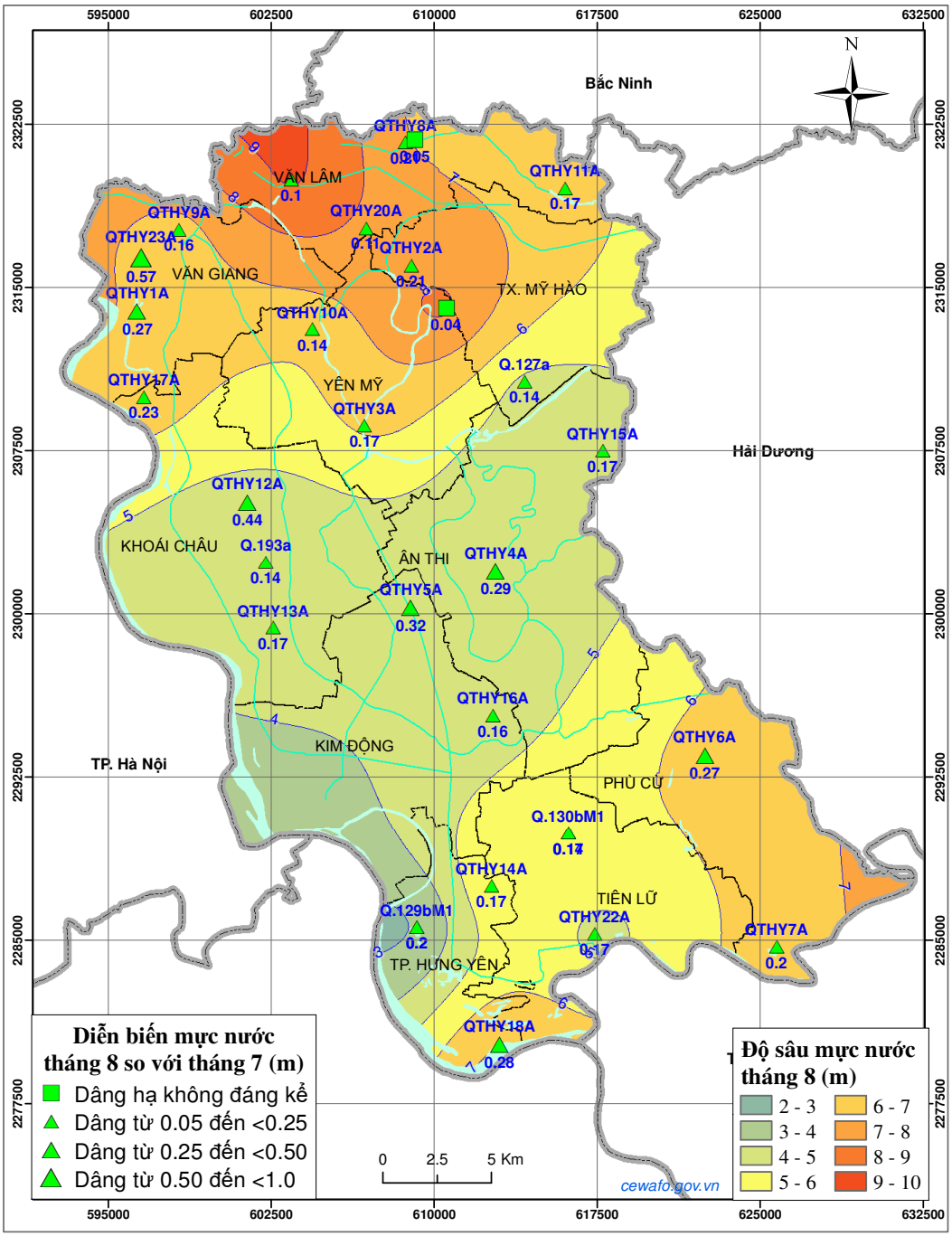


Hình 1.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Trong tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7, có 29/30 công trình mực nước dâng và và 1/30 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,57m tại TT. Văn Giang, huyện Văn Giang (QTHY23A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,09m tại phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 9,05m tại TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1).



Hình 2.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp

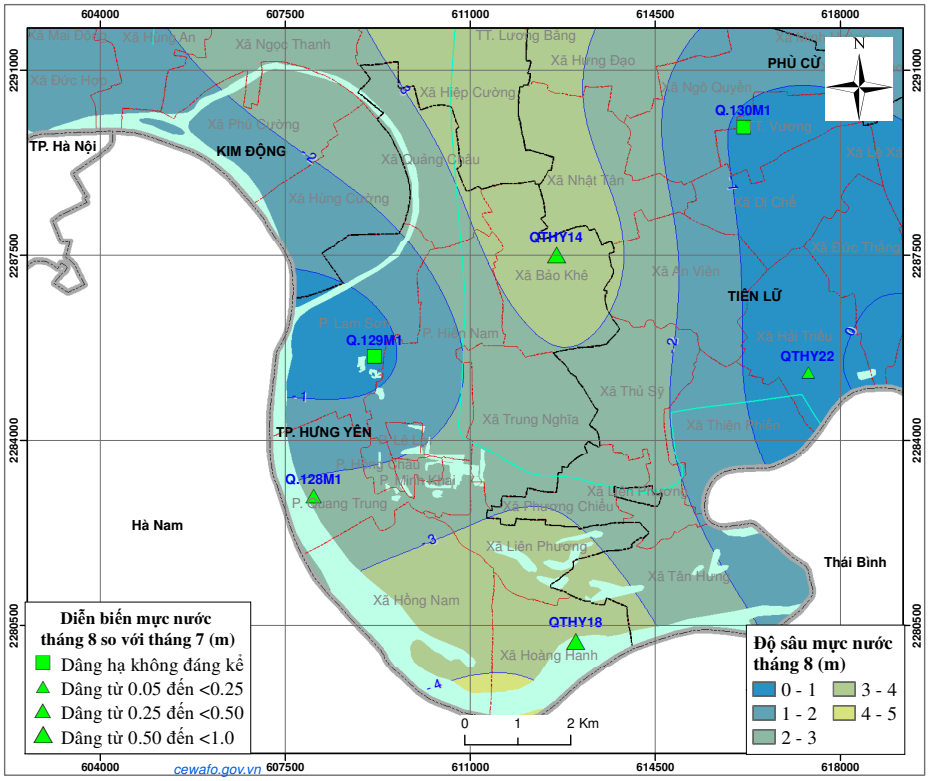
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất

II.1. Thành phố Hưng Yên

II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

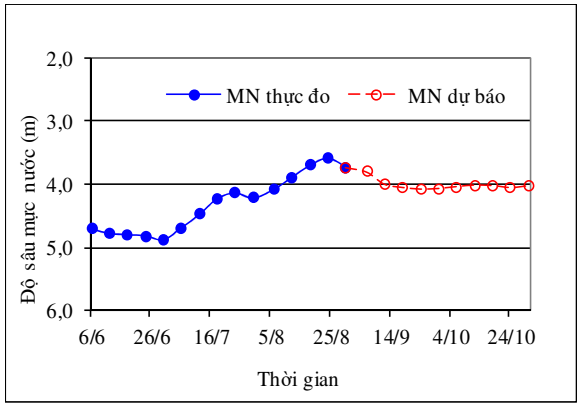
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,72m tại xã Hoàng Hanh (QTHY18).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,73m tại phường Lam Sơn (Q.129M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,82m tại xã Trung Nghĩa (QTHY14).

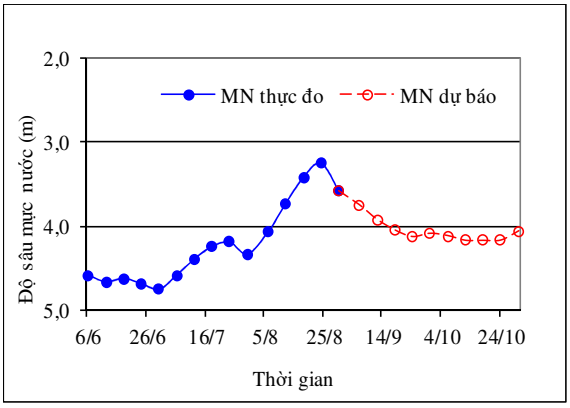


Hình 3.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh

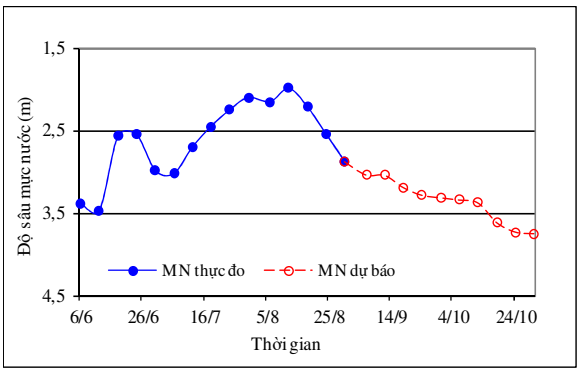
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 4 và bảng 1).



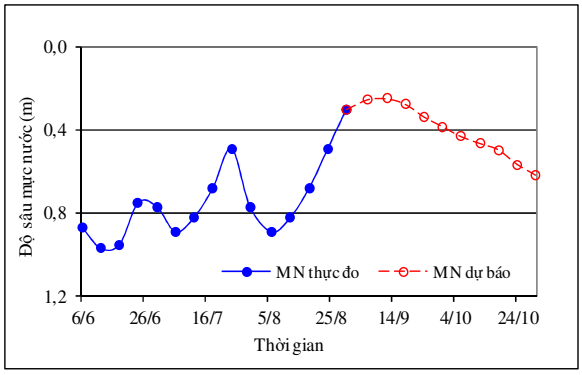
a. xã Trung Nghĩa (QTHY14)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18)



c. phường Minh Khai (Q.128M1)



d. phường Lam Sơn (Q.129M1)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 1. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

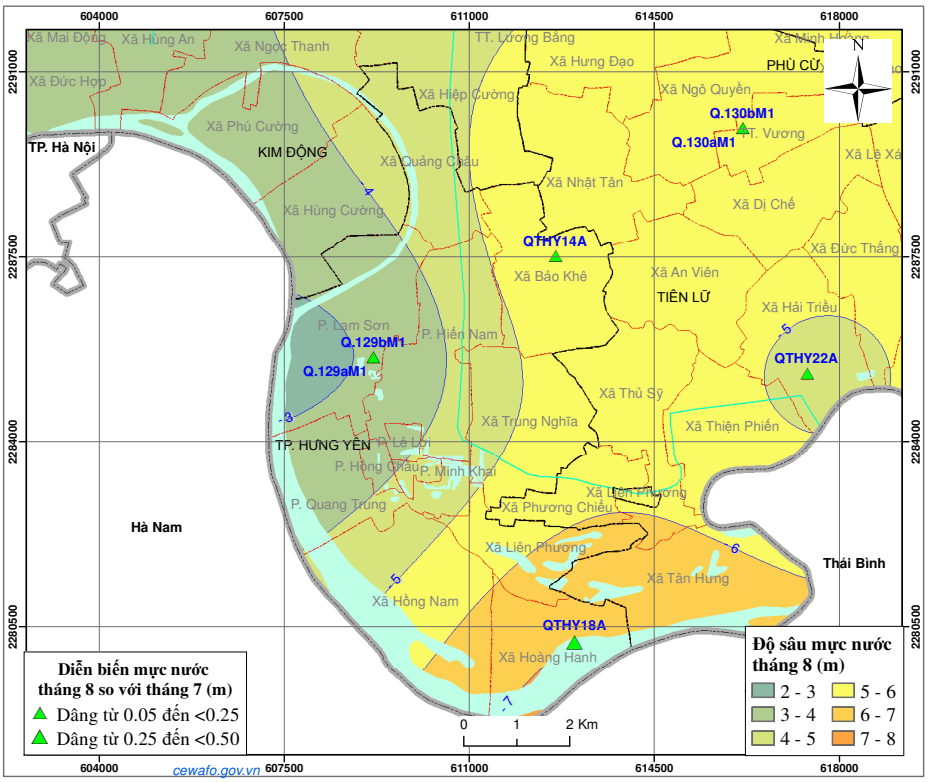
Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14)			xã Hoàng Hanh (QTHY18)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	4,08	3,80	4,04	4,07	3,75	4,12
12	3,89	4,01	4,02	3,73	3,92	4,17
18	3,70	4,06	4,03	3,42	4,05	4,17
24	3,59	4,08	4,06	3,25	4,13	4,17
30	3,73	4,07	4,03	3,58	4,09	4,06
TB	3,80	4,00	4,03	3,61	3,98	4,14
Ngày	phường Minh Khai (Q.128M1)			phường Lam Sơn (Q.129M1)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	2,15	3,04	3,34	0,89	0,25	0,43
12	1,99	3,04	3,38	0,82	0,25	0,46
18	2,21	3,19	3,61	0,68	0,27	0,50
24	2,54	3,28	3,73	0,49	0,34	0,57
30	2,87	3,32	3,75	0,30	0,38	0,62
TB	2,35	3,17	3,56	0,64	0,30	0,52

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

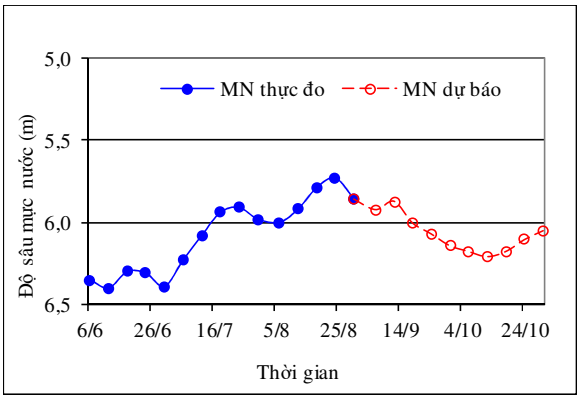
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,28m tại xã Hoàng Hanh (QTHY18A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,09m tại phường Lam Sơn (Q.129aM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,96m tại xã Hoàng Hanh (QTHY18A).

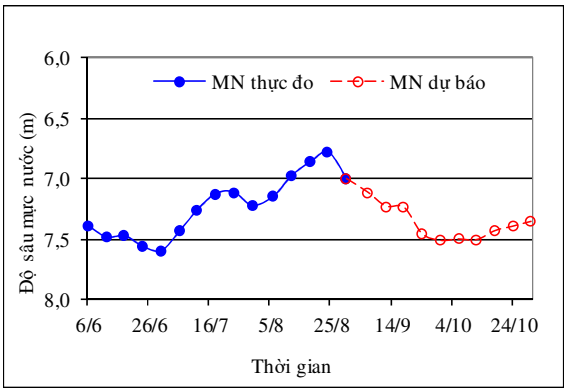
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 6 và bảng 2).



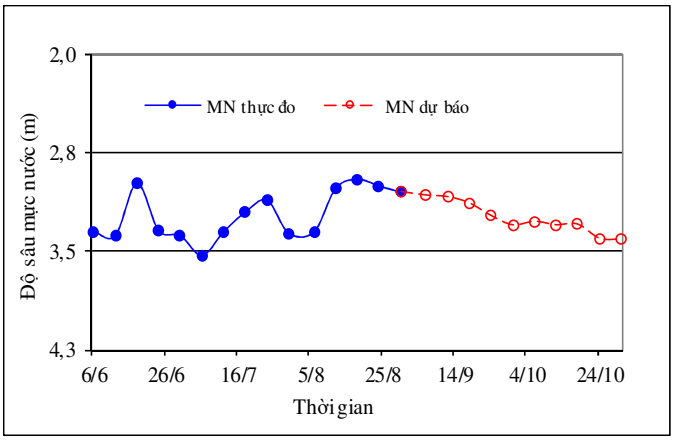
Hình 5.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. xã Trung Nghĩa (QTHY14A)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18A)



c. phường Lam Sơn (Q.129bM1)

Hình 6.Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 2. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14A)			xã Hoàng Hanh (QTHY18A)			phường Lam Sơn (Q.129bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	6,00	5,93	6,18	7,14	7,11	7,50	3,35	3,08	3,27
12	5,92	5,88	6,21	6,97	7,23	7,50	3,02	3,09	3,30
18	5,79	6,01	6,18	6,86	7,24	7,43	2,95	3,14	3,29
24	5,73	6,07	6,11	6,78	7,45	7,39	3,00	3,23	3,40
30	5,86	6,14	6,05	7,00	7,51	7,35	3,05	3,30	3,40
TB	5,86	6,00	6,14	6,95	7,31	7,43	3,07	3,17	3,33

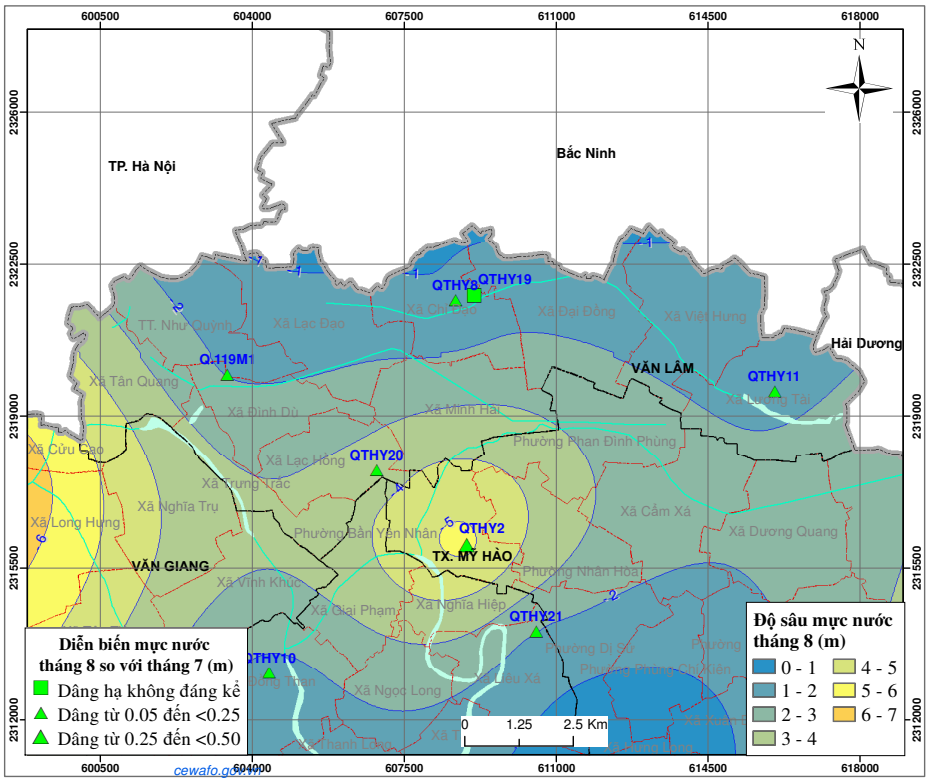
II.2. Huyện Văn Lâm

II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

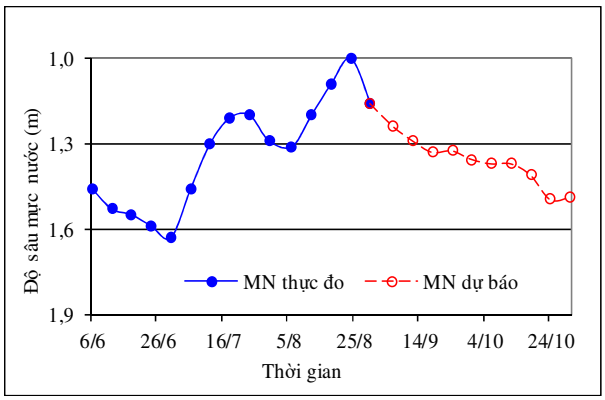
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,13m tại xã Chỉ Đạo (QTHY8).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,17m tại xã Chỉ Đạo (QTHY8), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,46m tại xã Lạc Hồng (QTHY20).

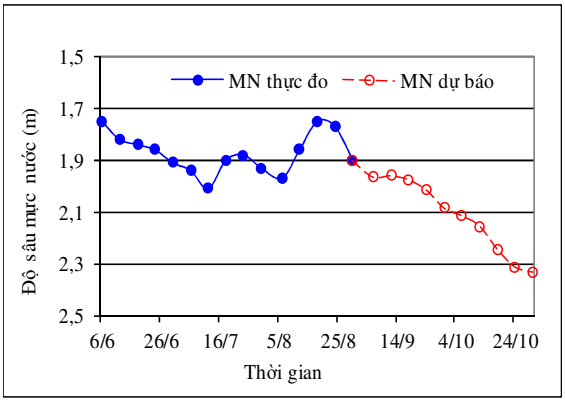
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 7 và bảng 3).



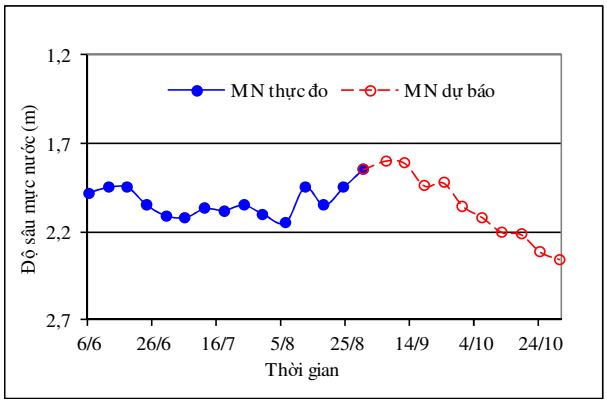
Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



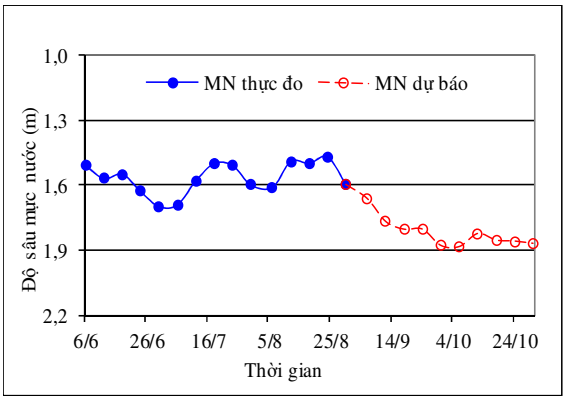
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8)



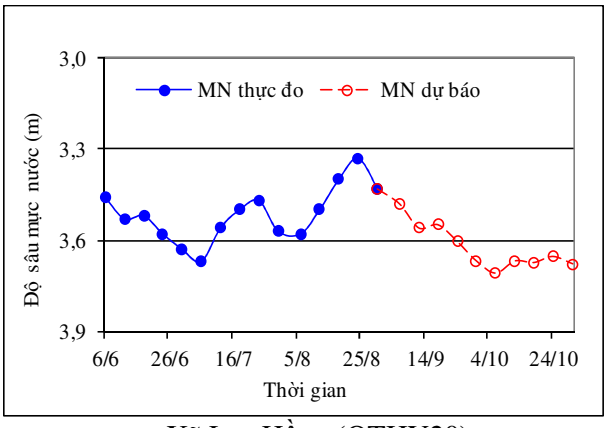
b. Xã Lương Tài (QTHY11)



c. TT Như Quỳnh (Q.119M1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 3. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

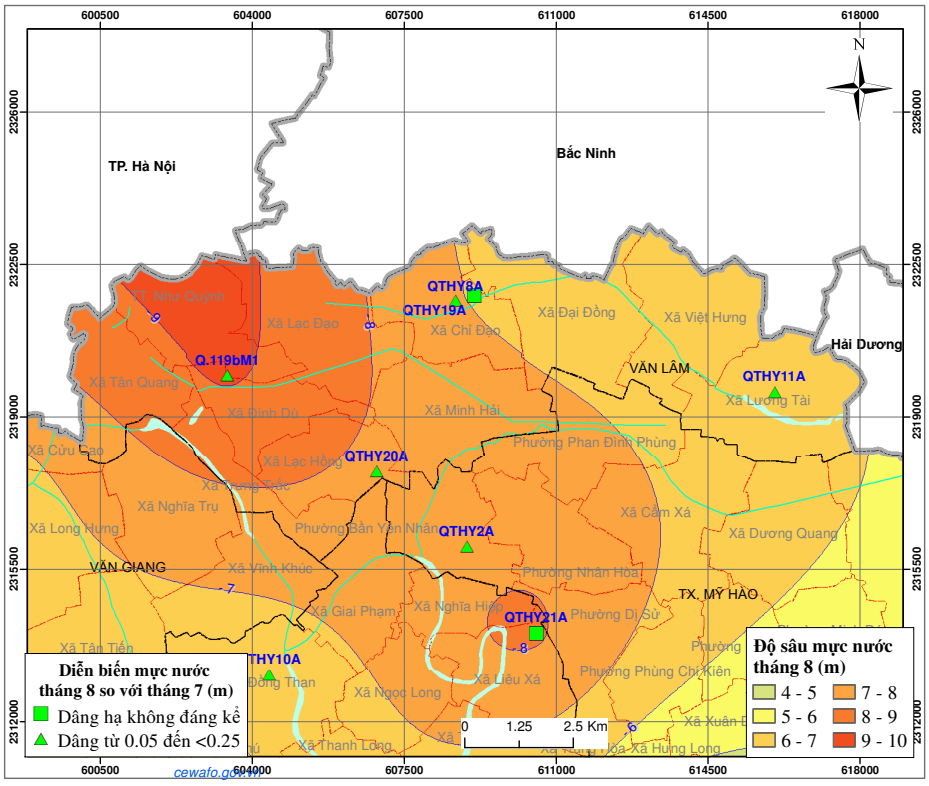
Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY8)			xã Lương Tài (QTHY11)			TT. Như Quỳnh (Q.119M1)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	1,31	1,24	1,37	1,97	1,97	2,12	2,15	1,80	2,12
12	1,20	1,29	1,37	1,86	1,96	2,16	1,95	1,81	2,20
18	1,09	1,33	1,41	1,75	1,98	2,25	2,05	1,94	2,22
24	1,00	1,33	1,50	1,77	2,02	2,32	1,95	1,92	2,31
30	1,16	1,36	1,49	1,90	2,09	2,34	1,85	2,06	2,36
TB	1,15	1,31	1,43	1,85	2,00	2,23	1,99	1,91	2,24

Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19)			xã Lạc Hồng (QTHY20)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	1,61	1,67	1,89	3,58	3,48	3,71
12	1,49	1,77	1,83	3,50	3,56	3,67
18	1,50	1,81	1,86	3,40	3,55	3,68
24	1,47	1,81	1,86	3,33	3,61	3,66
30	1,60	1,88	1,87	3,43	3,67	3,68
TB	1,53	1,79	1,86	3,45	3,57	3,68

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

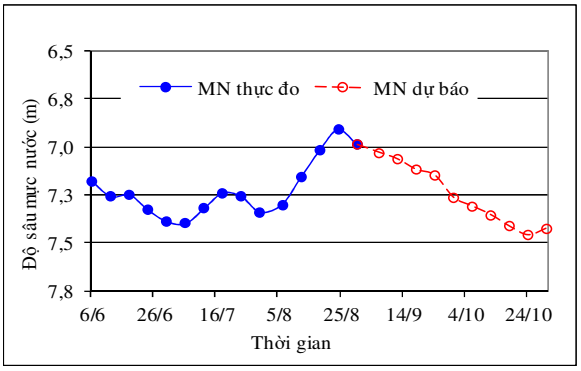
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,21m tại xã Chỉ Đạo (QTHY8A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,22m tại xã Lương Tài (QTHY11A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,83m tại xã Lạc Hồng (QTHY20A).

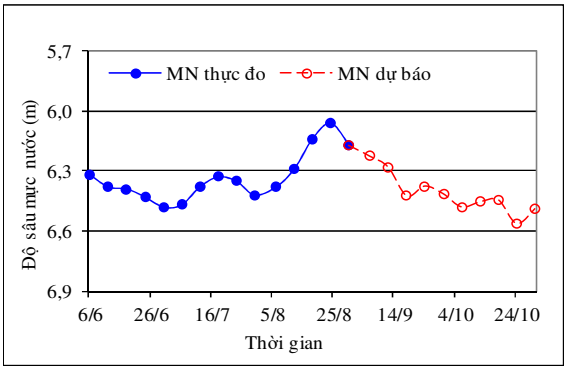


Hình 9.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp

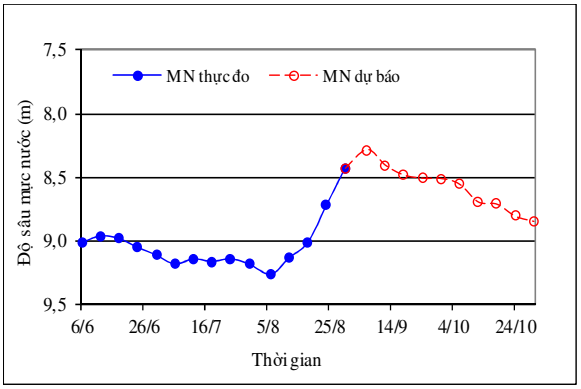
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 10 và bảng 4).



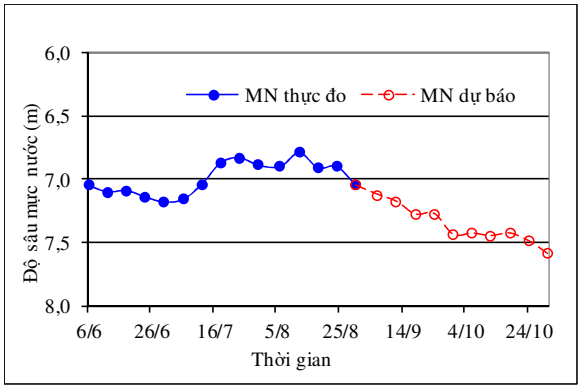
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8A)



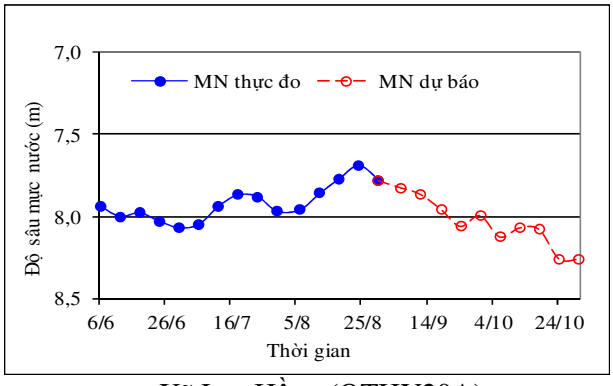
b. Xã Lương Tài (QTHY11A)



c. TT Như Quỳnh (Q.119bM1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19A)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20A)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 4. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY8A)			xã Lương Tài (QTHY11A)			TT. Như Quỳnh (Q.119bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	7,30	7,03	7,31	6,38	6,23	6,48	9,26	8,29	8,55
12	7,16	7,07	7,36	6,29	6,28	6,46	9,13	8,41	8,69
18	7,02	7,12	7,42	6,14	6,43	6,45	9,01	8,48	8,71
24	6,91	7,15	7,46	6,06	6,38	6,57	8,72	8,51	8,80
30	6,99	7,27	7,43	6,17	6,42	6,49	8,43	8,51	8,84
TB	7,08	7,13	7,39	6,21	6,34	6,49	8,91	8,44	8,72

Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19A)			xã Lạc Hồng (QTHY20A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	6,90	7,13	7,43	7,96	7,83	8,13
12	6,79	7,18	7,45	7,86	7,87	8,07
18	6,91	7,28	7,43	7,77	7,96	8,08
24	6,90	7,28	7,49	7,69	8,06	8,26
30	7,05	7,44	7,59	7,78	8,00	8,26
TB	6,91	7,26	7,48	7,81	7,94	8,16

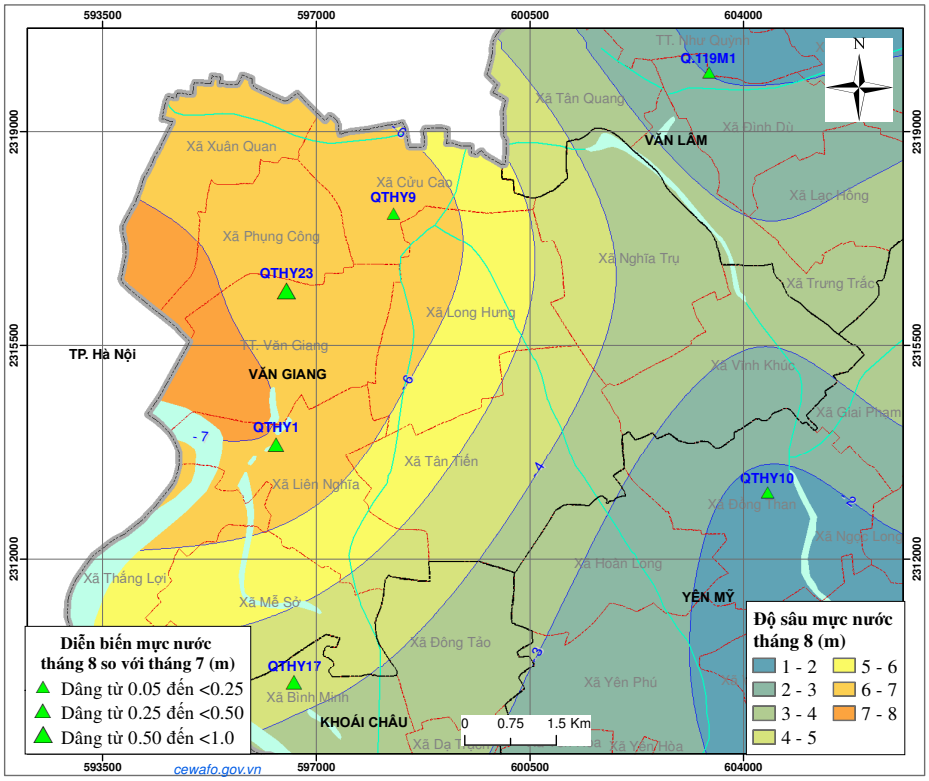
II.3. Huyện Văn Giang

II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

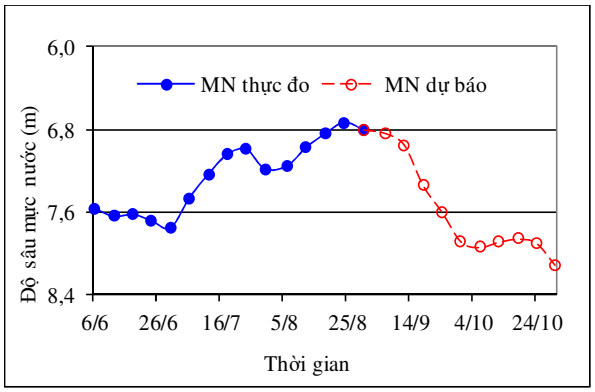
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,57m tại TT. Văn Giang (QTHY23).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,74m tại xã Cửu Cao (QTHY9), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,92m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1).

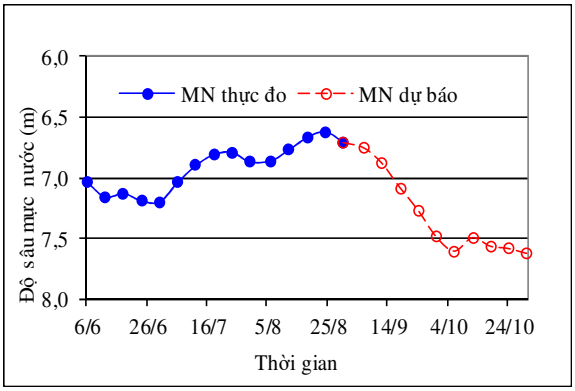
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 5).



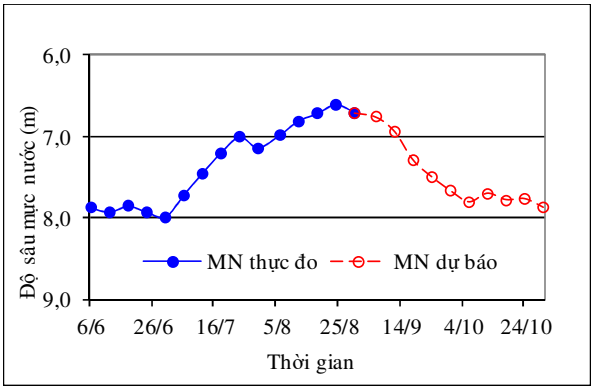
Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9)



c. TT. Văn Giang (QTHY23)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

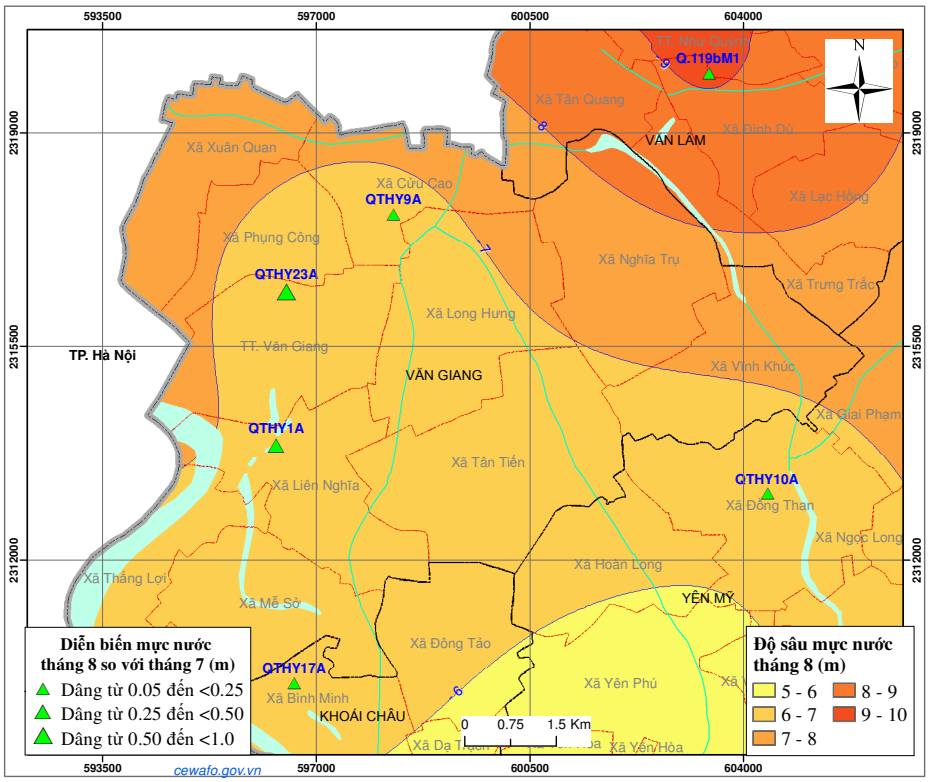
Ngày	xã Liên Nghĩa (QTHY1)			xã Cửu Cao (QTHY9)			TT. Văn Giang (QTHY23)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	7,15	6,84	7,94	6,86	6,76	7,61	6,98	6,76	7,81
12	6,97	6,95	7,89	6,77	6,89	7,50	6,81	6,94	7,71
18	6,84	7,34	7,86	6,67	7,09	7,57	6,72	7,30	7,79
24	6,73	7,60	7,89	6,62	7,27	7,59	6,61	7,50	7,77
30	6,80	7,88	8,11	6,71	7,49	7,63	6,71	7,67	7,88
TB	6,90	7,32	7,93	6,73	7,10	7,58	6,77	7,23	7,79

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

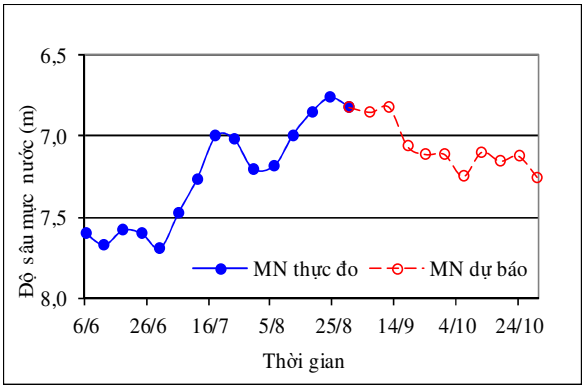
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,56m tại TT. Văn Giang (QTHY23A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,74m tại xã Cửu Cao (QTHY9A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,94m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1A).

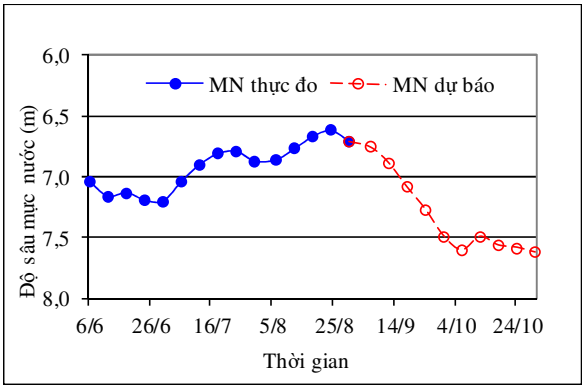
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 14 và bảng 6).



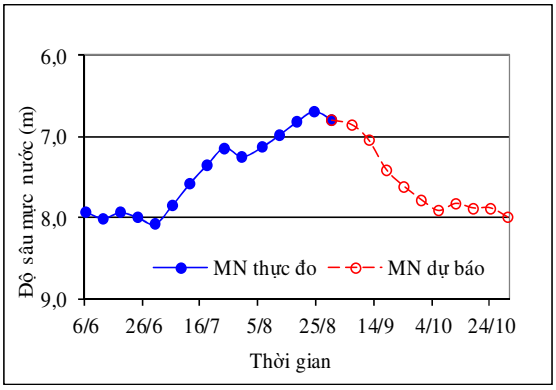
Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1A)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9A)



c. TT. Văn Giang (QTHY23A)

Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Liên Nghĩa (QTHY1A)			xã Cửu Cao (QTHY9A)			TT. Văn Giang (QTHY23A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	7,18	6,85	7,25	6,86	6,76	7,61	7,13	6,86	7,92
12	6,99	6,82	7,10	6,77	6,89	7,50	6,98	7,05	7,83
18	6,85	7,06	7,15	6,67	7,09	7,57	6,82	7,42	7,89
24	6,76	7,11	7,12	6,62	7,27	7,59	6,69	7,62	7,89
30	6,82	7,11	7,25	6,71	7,49	7,63	6,80	7,78	8,00
TB	6,92	6,99	7,17	6,73	7,10	7,58	6,88	7,34	7,90

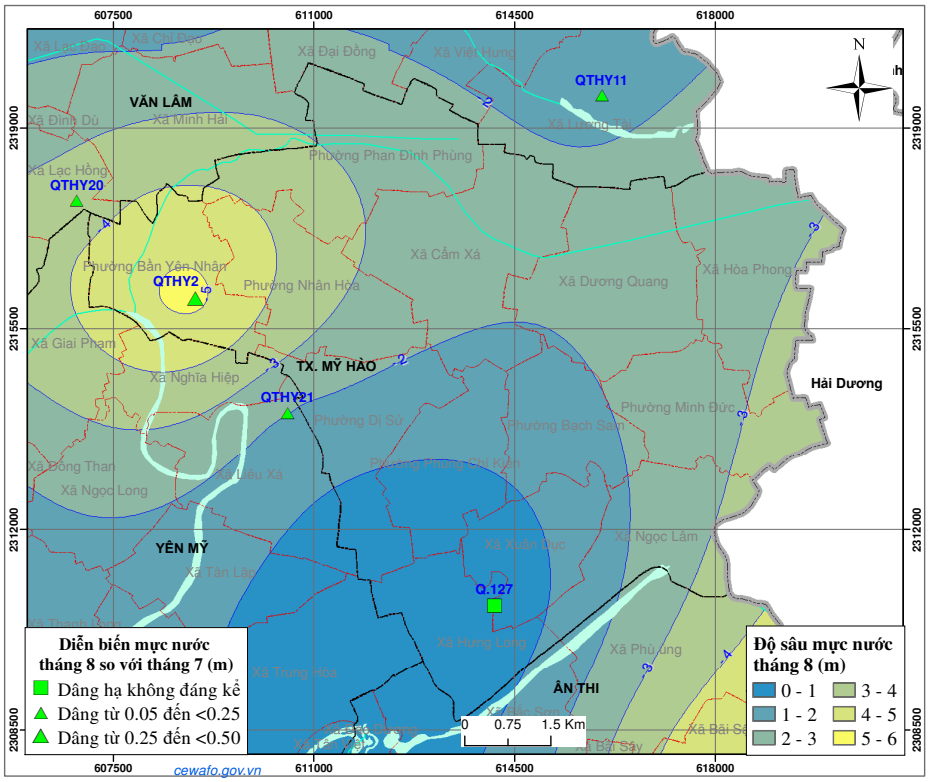
II.4. Thị xã Mỹ Hào

II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

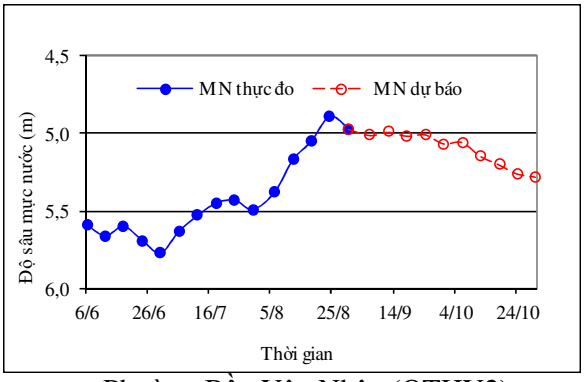
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,39m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,33m tại xã Hưng Long (Q.127), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,13m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2).

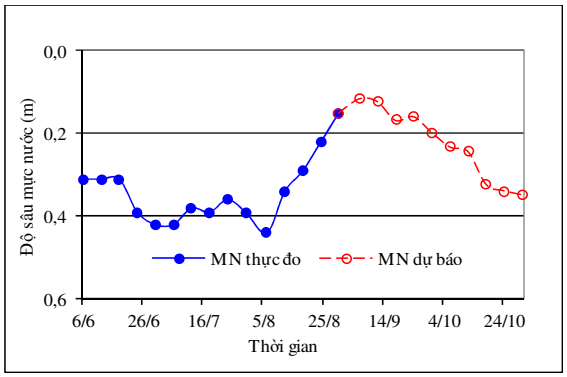
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 16 và bảng 7).



Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2)



b. xã Hưng Long (Q.127)

Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

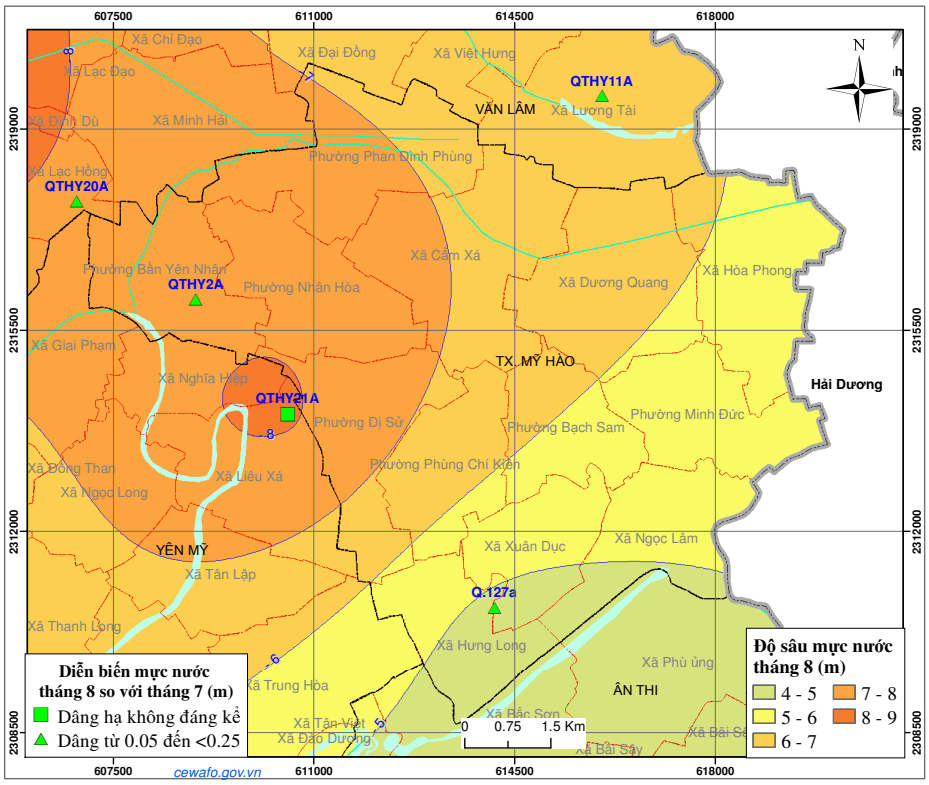
Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2)			xã Hưng Long (Q.127)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	5,38	5,01	5,06	0,44	0,12	0,23
12	5,17	4,99	5,15	0,34	0,12	0,24
18	5,05	5,02	5,20	0,29	0,17	0,32
24	4,89	5,01	5,26	0,22	0,16	0,34
30	4,97	5,07	5,28	0,15	0,20	0,35
TB	5,09	5,02	5,19	0,29	0,15	0,30

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

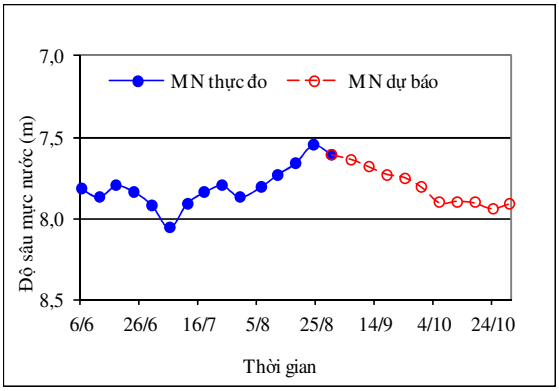
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,2m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,86m tại xã Hưng Long (Q.127a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,69m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2A).

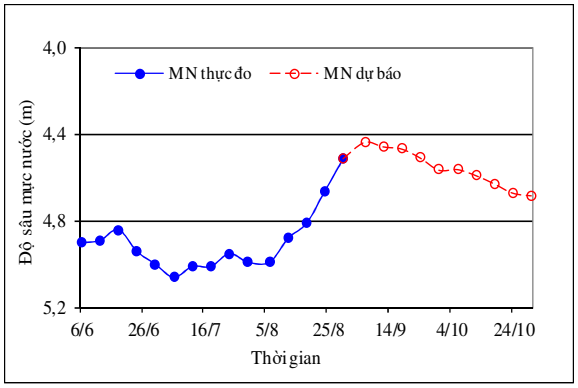
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 18 và bảng 8).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2A)



b. xã Hưng Long (Q.127a)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2A)			xã Hưng Long (Q.127a)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	7,81	7,64	7,91	4,99	4,44	4,56
12	7,73	7,69	7,90	4,88	4,46	4,59
18	7,66	7,73	7,91	4,81	4,47	4,63
24	7,55	7,75	7,94	4,66	4,51	4,67
30	7,61	7,81	7,91	4,51	4,56	4,68
TB	7,67	7,72	7,91	4,77	4,49	4,62

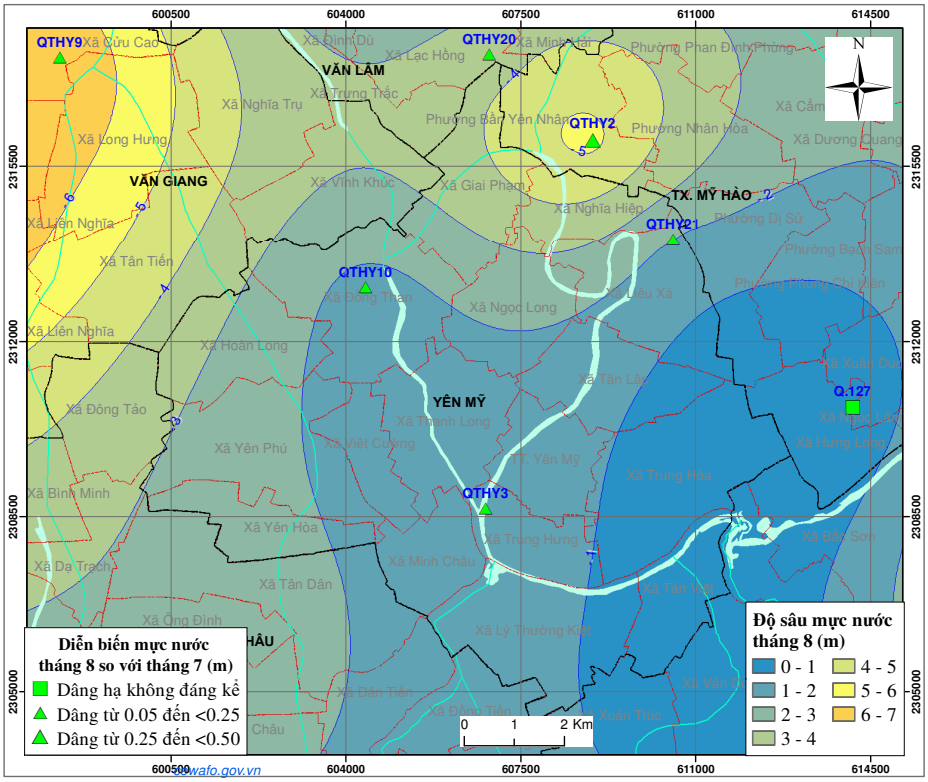
II.5. Huyện Yên Mỹ

II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

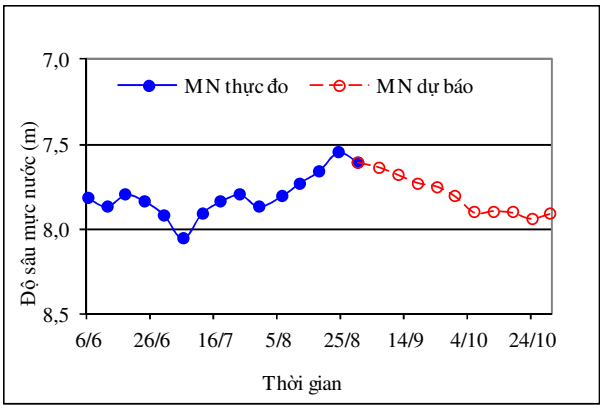
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,17m tại xã Liêu Xá (QTHY21).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,53m tại xã Trung Hưng (QTHY3), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 1,99m tại xã Liêu Xá (QTHY21).

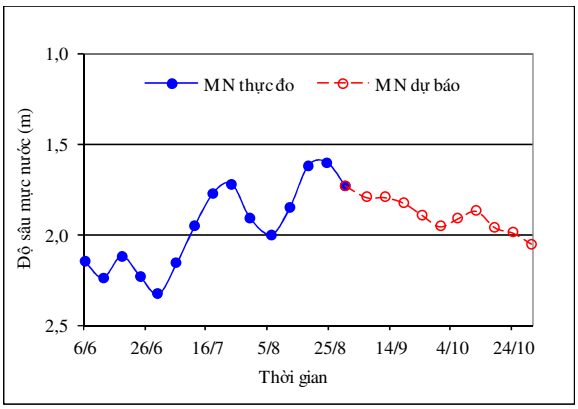
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 20 và bảng 9).



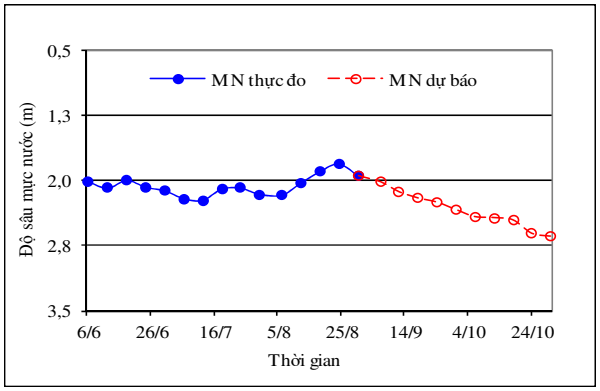
Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. Xã Trung Hưng (QTHY3)



b. Xã Đồng Than (QTHY10)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21)

Hình 20. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

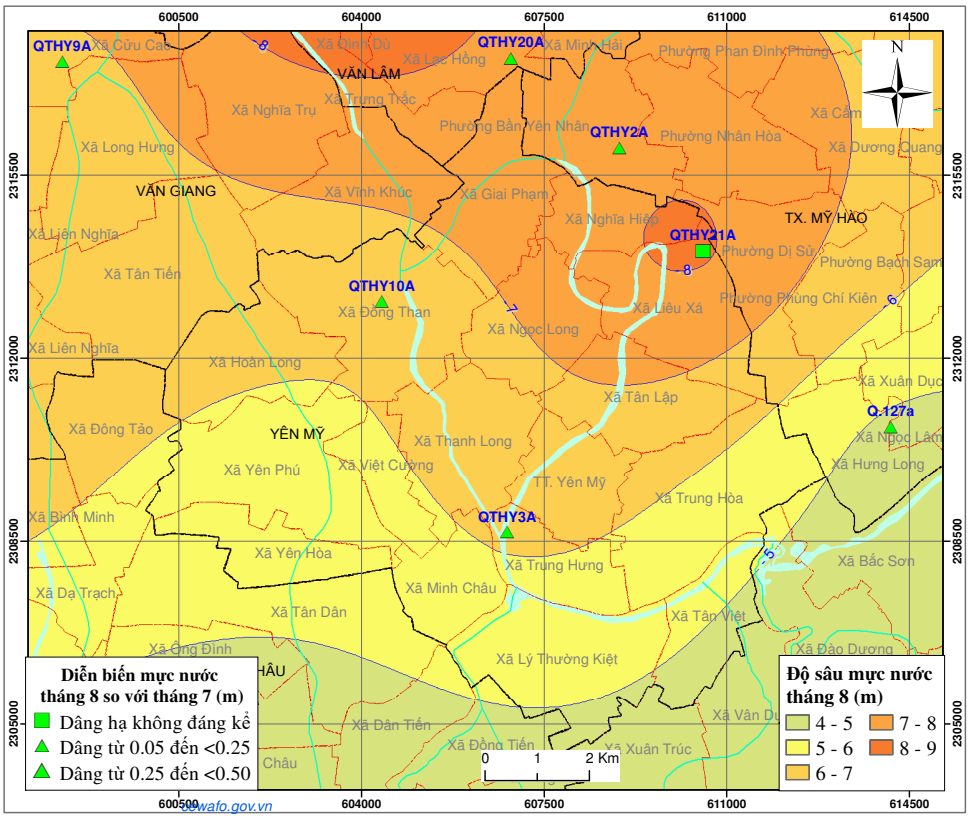
Ngày	xã Trung Hưng (QTHY3)			xã Đồng Than (QTHY10)			xã Liêu Xá (QTHY21)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	1,68	1,53	1,91	2,00	1,80	1,91	2,17	2,02	2,42
12	1,57	1,57	1,86	1,85	1,80	1,87	2,03	2,14	2,43
18	1,50	1,69	1,96	1,62	1,83	1,96	1,90	2,21	2,46
24	1,39	1,76	1,92	1,60	1,89	1,99	1,81	2,26	2,61
30	1,48	1,89	1,94	1,73	1,96	2,05	1,95	2,34	2,65
TB	1,52	1,69	1,91	1,76	1,85	1,96	1,97	2,19	2,51

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

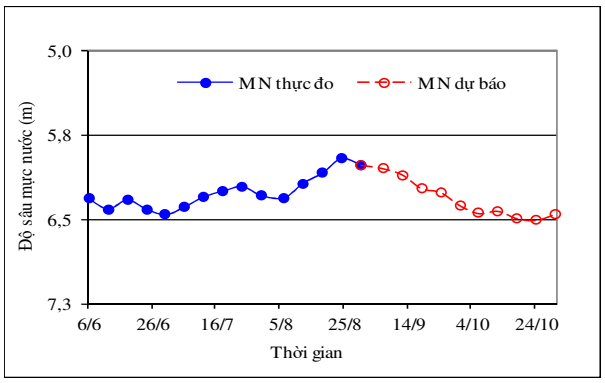
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,17m tại xã Trung Hưng (QTHY3A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,12m tại xã Trung Hưng (QTHY3A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,08m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).

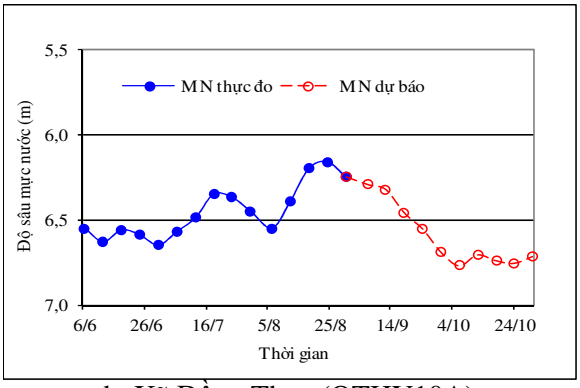
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 22 và bảng 10).



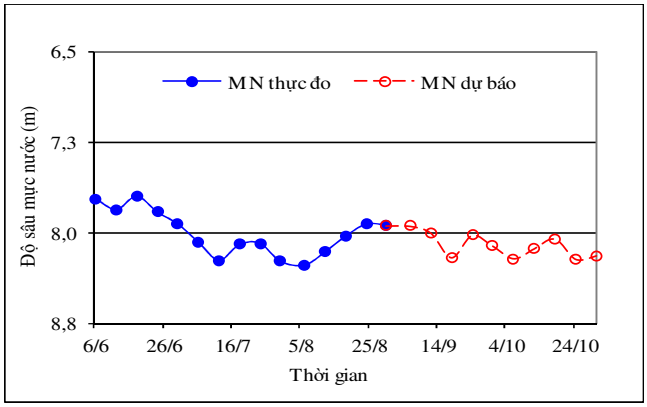
Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. Xã Trung Hưng (QTHY3A)



b. Xã Đồng Than (QTHY10A)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21A)

Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Trung Hưng (QTHY3A)			xã Đồng Than (QTHY10A)			xã Liêu Xá (QTHY21A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	6,31	6,05	6,45	6,55	6,30	6,77	8,27	7,95	8,22
12	6,18	6,11	6,43	6,39	6,33	6,71	8,16	8,00	8,13
18	6,09	6,23	6,49	6,20	6,46	6,74	8,03	8,21	8,05
24	5,96	6,26	6,51	6,16	6,56	6,76	7,93	8,02	8,22
30	6,02	6,38	6,45	6,25	6,69	6,72	7,94	8,11	8,19
TB	6,11	6,20	6,46	6,31	6,47	6,74	8,07	8,06	8,16

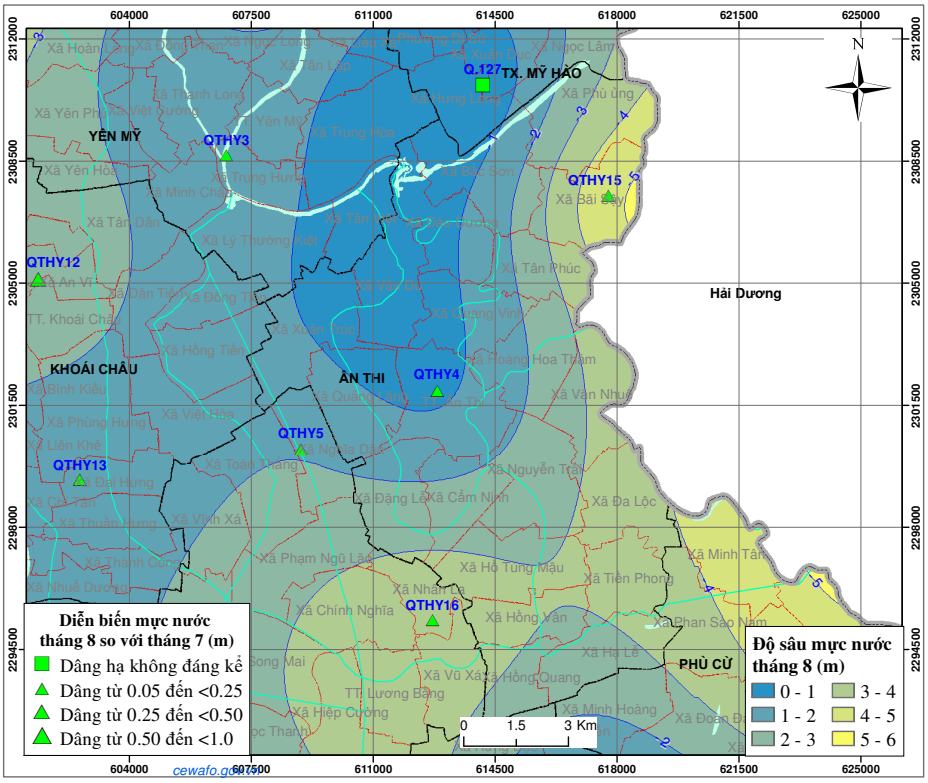
II.6. Huyện Ân Thi

II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

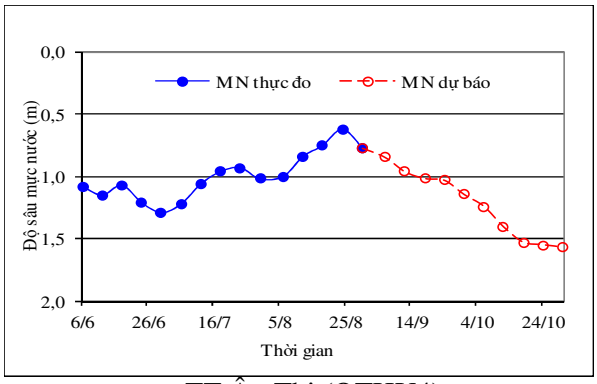
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,23m tại Thị trấn Ân Thi (QTHY4).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,82m tại Thị trấn Ân Thi (QTHY4), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,7m tại xã Bãi Sậy (QTHY15).

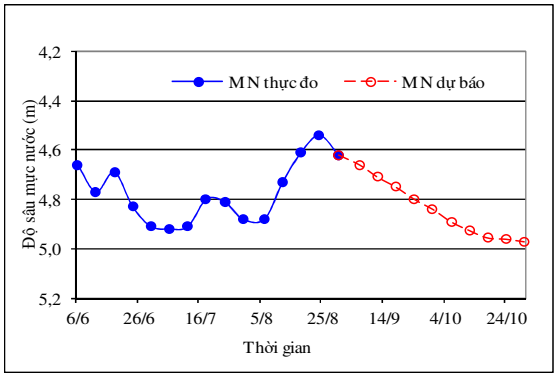
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 24 và bảng 11).



Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. TT Ân Thi (QTHY4)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15)

Hình 24. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

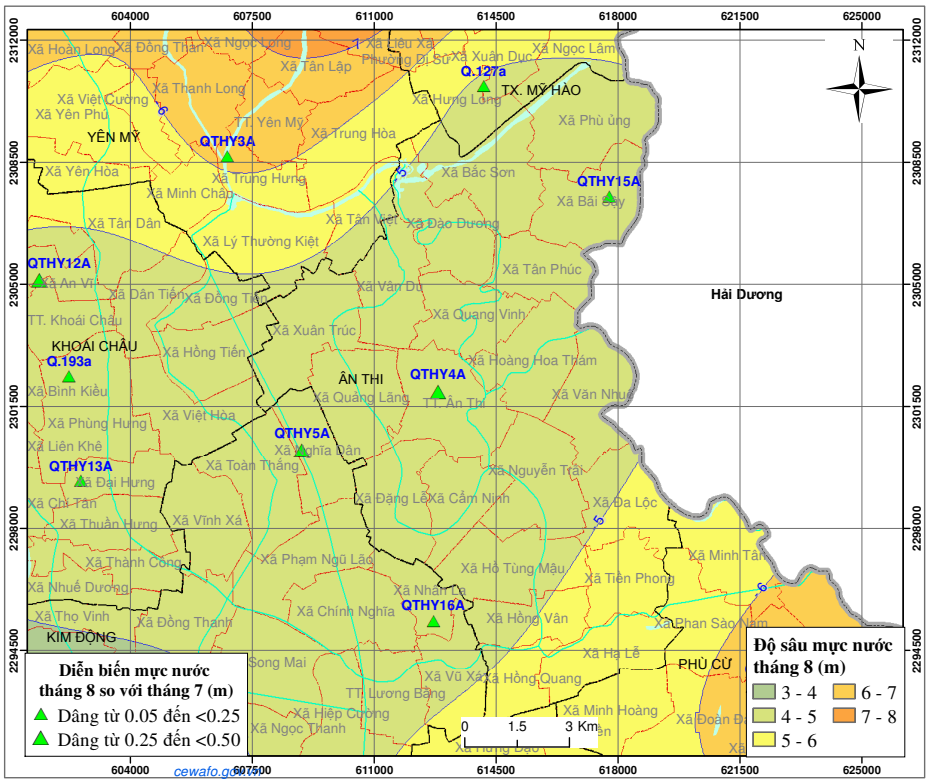
Ngày	Thị trấn Ân Thi (QTHY4)			xã Bãi Sậy (QTHY15)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	1,00	0,85	1,24	4,88	4,66	4,89
12	0,84	0,96	1,41	4,73	4,71	4,93
18	0,75	1,02	1,53	4,61	4,75	4,96
24	0,62	1,03	1,55	4,54	4,80	4,96
30	0,77	1,15	1,57	4,62	4,84	4,97
TB	0,80	1,00	1,46	4,68	4,75	4,94

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

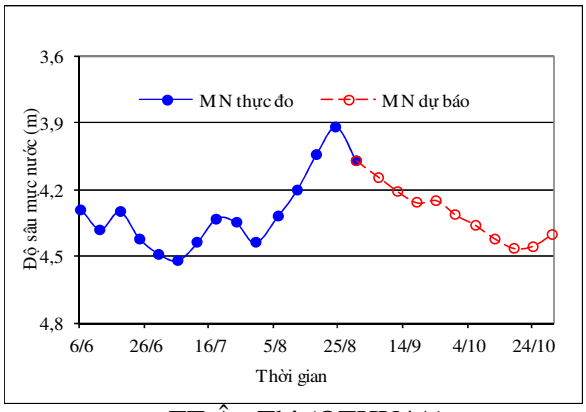
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,29m tại Thị trấn Ân Thi (QTHY4A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,13m tại Thị trấn Ân Thi (QTHY4A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,7m tại xã Bãi Sậy (QTHY15A).

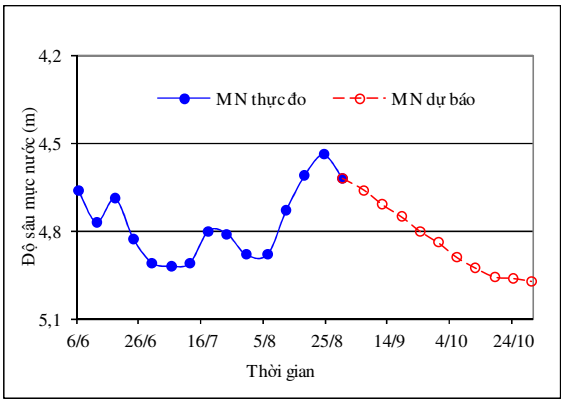
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 26 và bảng 12).



Hình 25. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. TT Ân Thi (QTHY4A)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15A)

Hình 26. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Thị trấn Ân Thi (QTHY4A)			xã Bãi Sậy (QTHY15A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	4,32	4,15	4,36	4,88	4,66	4,89
12	4,20	4,21	4,42	4,73	4,71	4,93
18	4,04	4,26	4,47	4,61	4,75	4,96
24	3,92	4,25	4,46	4,54	4,80	4,96
30	4,07	4,32	4,40	4,62	4,84	4,97
TB	4,11	4,24	4,42	4,68	4,75	4,94

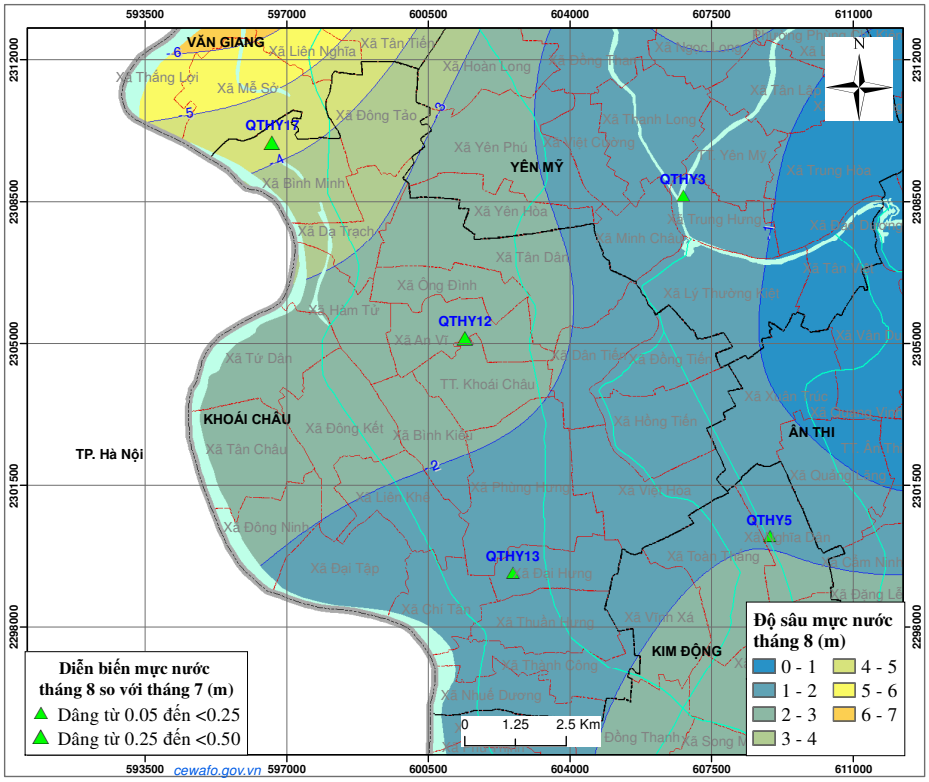
II.7. Huyện Khoái Châu

II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

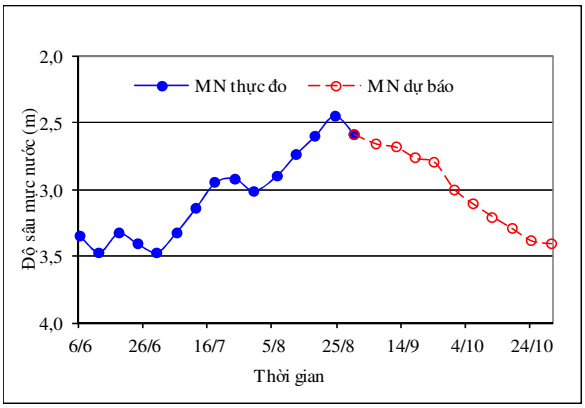
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,45m tại xã Bình Minh (QTHY17).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,45m tại xã Đại Hưng (QTHY13), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,22m tại xã Bình Minh (QTHY17).

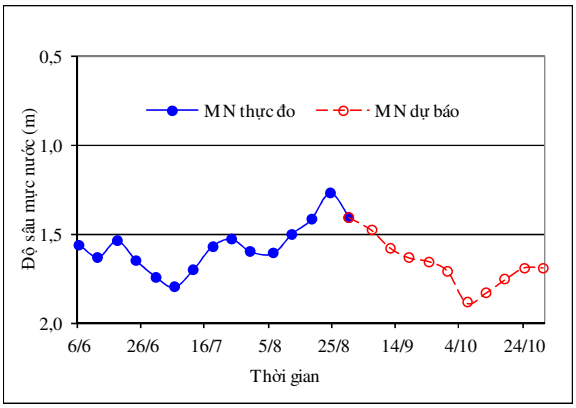
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 28 và bảng 13).



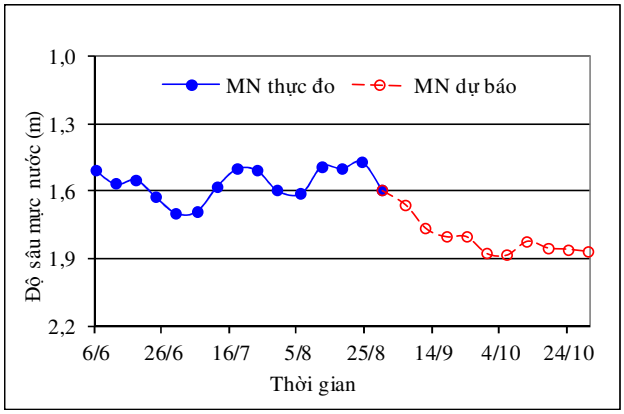
Hình 27. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. xã An Vĩ (QTHY12)



b. xã Đại Hưng (QTHY13)



c. xã Bình Minh (QTHY17)

Hình 28. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

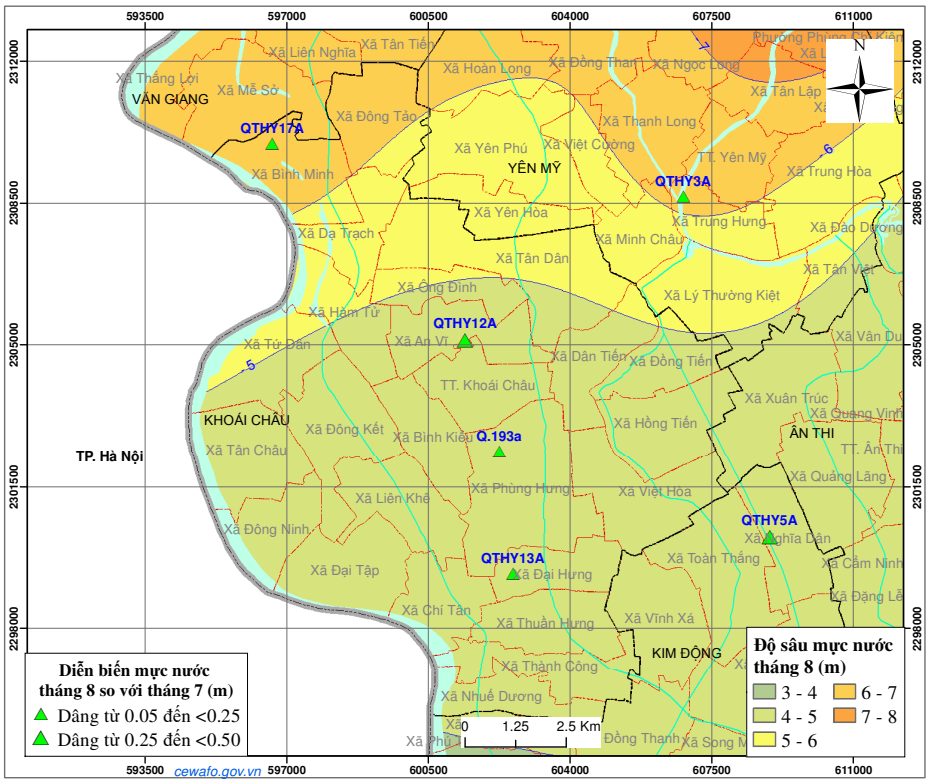
Ngày	xã An Vĩ (QTHY12)			xã Đại Hưng (QTHY13)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	2,90	2,66	3,11	1,61	1,48	1,89	4,46	4,16	5,18
12	2,74	2,69	3,21	1,50	1,58	1,83	4,28	4,42	5,17
18	2,60	2,77	3,30	1,42	1,64	1,76	4,13	4,62	5,25
24	2,45	2,80	3,39	1,27	1,66	1,69	4,02	4,76	5,22
30	2,59	3,00	3,41	1,41	1,71	1,69	4,11	5,03	5,24
TB	2,66	2,78	3,28	1,44	1,61	1,77	4,20	4,60	5,21

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

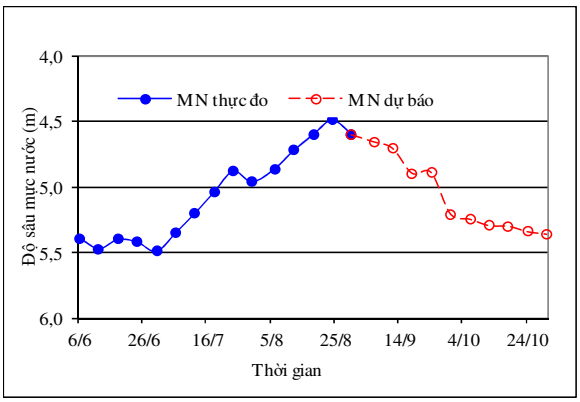
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,44m tại xã An Vĩ (QTHY12A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,32m tại xã Đại Hưng (QTHY13A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,63m tại xã Bình Minh (QTHY17A).

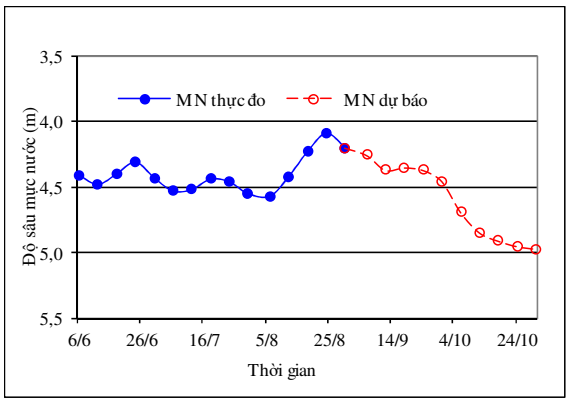
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 30 và bảng 14).



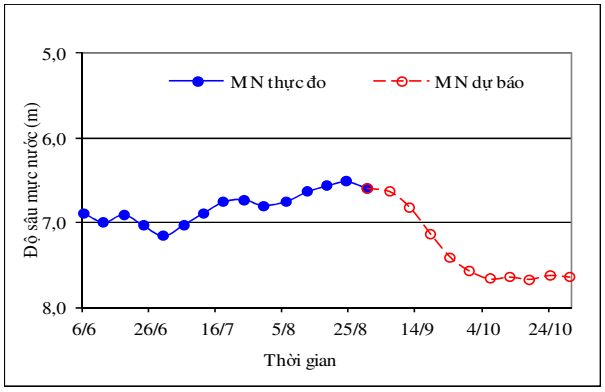
Hình 29. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. xã An Vĩ (QTHY12A)



b. xã Đại Hưng (QTHY13A)



c. xã Bình Minh (QTHY17A)

Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã An Vĩ (QTHY12A)			xã Đại Hưng (QTHY13A)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	4,86	4,66	5,25	4,57	4,26	4,69	6,75	6,64	7,67
12	4,72	4,71	5,30	4,42	4,37	4,85	6,64	6,83	7,65
18	4,60	4,90	5,30	4,23	4,35	4,91	6,57	7,13	7,67
24	4,49	4,89	5,34	4,09	4,37	4,95	6,52	7,41	7,63
30	4,60	5,21	5,36	4,2	4,46	4,97	6,60	7,58	7,65
TB	4,65	4,87	5,31	4,30	4,36	4,87	6,62	7,12	7,65

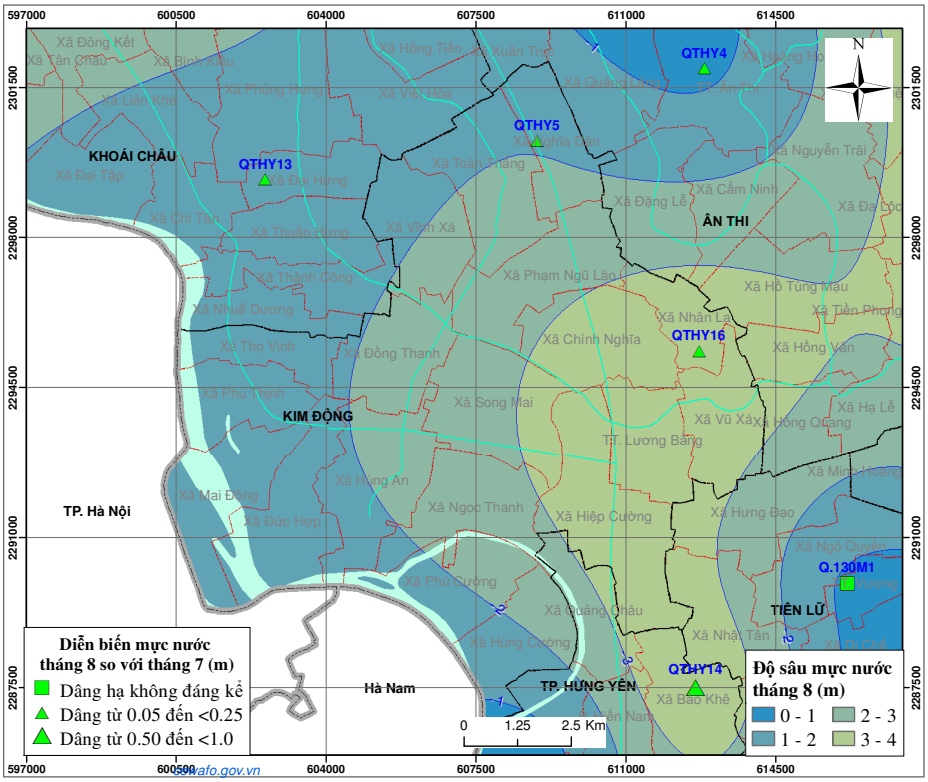
II.8. Huyện Kim Động

II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

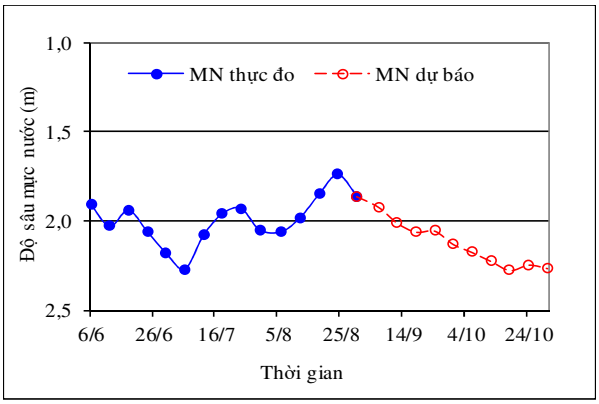
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,19m tại xã Nhân La (QTHY16).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,91m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,73m tại xã Nhân La (QTHY16).

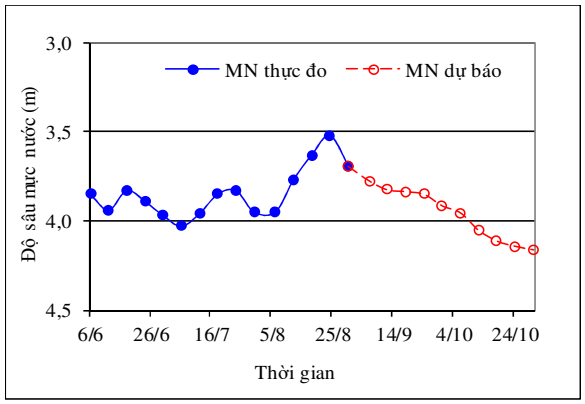
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 32 và bảng 15).



Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5)



b. Xã Nhân La (QTHY16)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

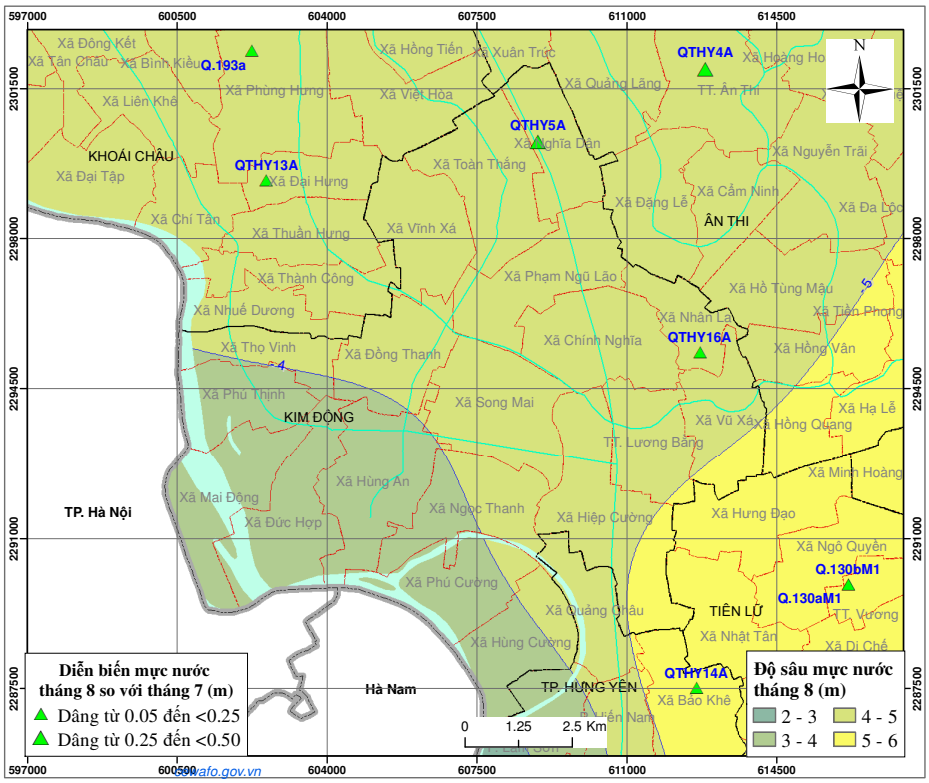
Ngày	xã Nghĩa Dân (QTHY5)			xã Nhân La (QTHY16)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	2,06	1,92	2,18	3,95	3,78	3,96
12	1,98	2,01	2,23	3,77	3,83	4,06
18	1,85	2,06	2,28	3,63	3,84	4,12
24	1,74	2,06	2,25	3,52	3,85	4,15
30	1,86	2,13	2,27	3,69	3,92	4,17
TB	1,90	2,04	2,24	3,71	3,84	4,09

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

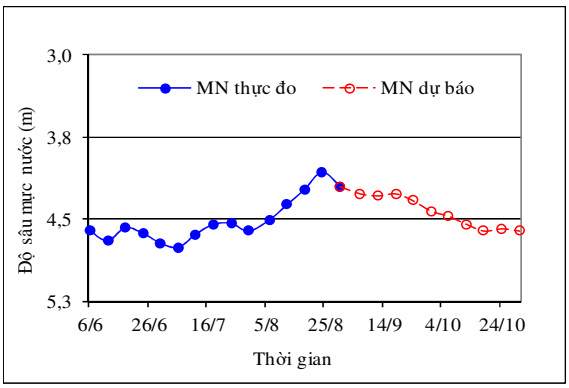
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,32m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,3m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,43m tại xã Nhân La (QTHY16A).

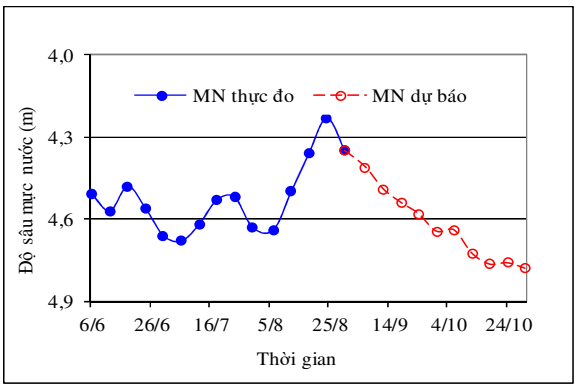
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 34 và bảng 16).



Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)



b. Xã Nhân La (QTHY16A)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Nghĩa Dân (QTHY5A)			xã Nhân La (QTHY16A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	4,51	4,27	4,47	4,64	4,41	4,64
12	4,37	4,29	4,55	4,50	4,49	4,73
18	4,23	4,27	4,61	4,36	4,54	4,77
24	4,07	4,33	4,59	4,23	4,58	4,76
30	4,20	4,43	4,61	4,35	4,65	4,78
TB	4,28	4,31	4,56	4,42	4,53	4,73

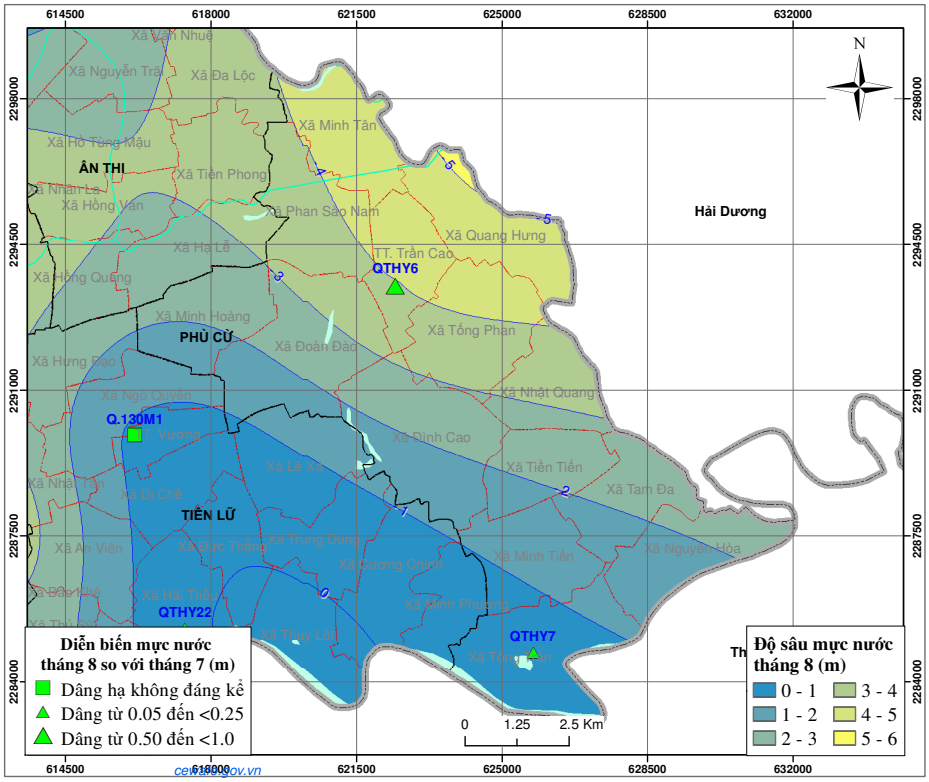
II.9. Huyện Phù Cừ

II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

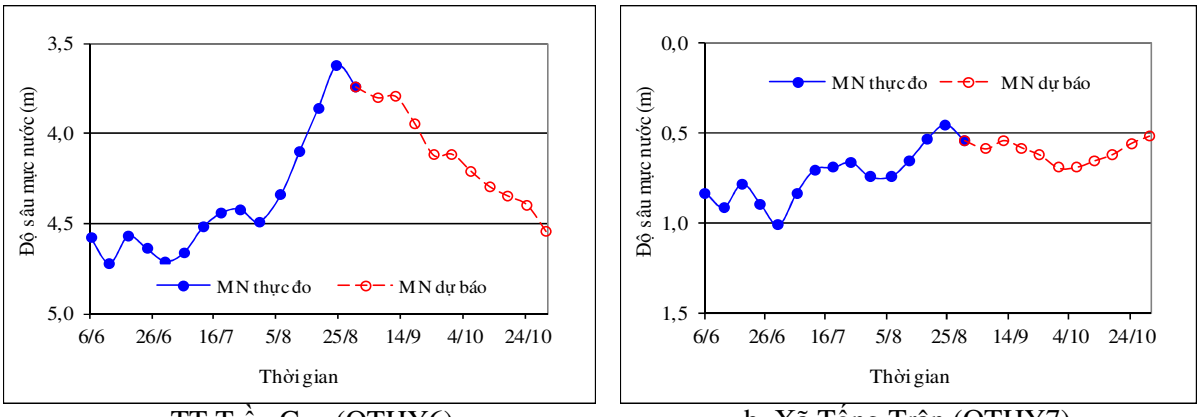
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,55m tại TT. Trần Cao (QTHY6).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,59m tại xã Tống Trân (QTHY7), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,97m tại TT. Trần Cao (QTHY6).

Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 36 và bảng 17).



Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. TT Trần Cao (QTHY6) b. Xã Tống Trân (QTHY7)

Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

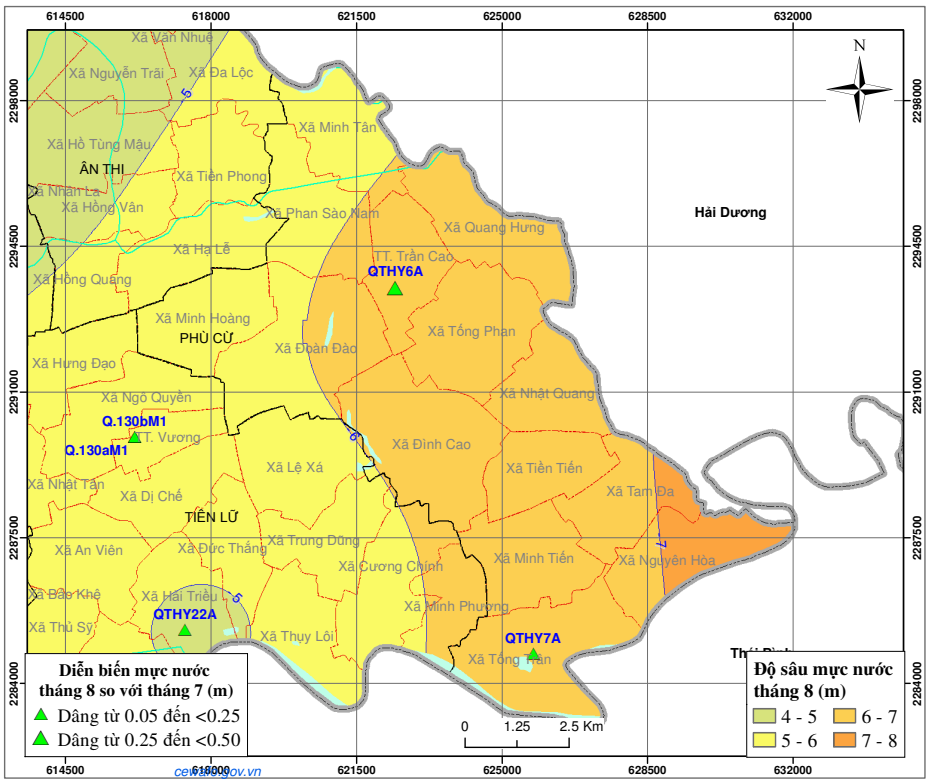
Ngày	TT. Trần Cao (QTHY6)			xã Tống Trân (QTHY7)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	4,34	3,80	4,21	0,74	0,59	0,69
12	4,10	3,80	4,30	0,65	0,54	0,65
18	3,86	3,95	4,35	0,53	0,58	0,62
24	3,62	4,12	4,40	0,45	0,62	0,56
30	3,74	4,12	4,55	0,54	0,69	0,52
TB	3,93	3,96	4,36	0,58	0,60	0,60

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

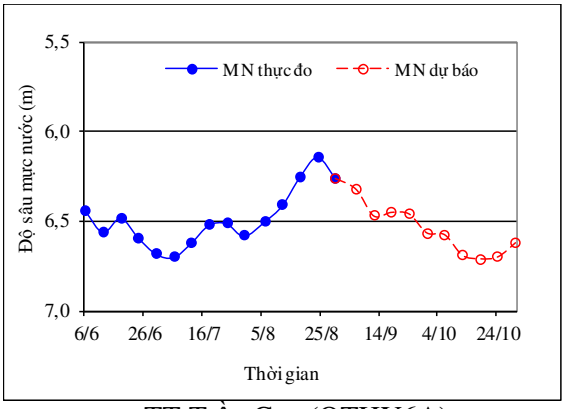
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại TT. Trần Cao (QTHY6A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,33m tại TT. Trần Cao (QTHY6A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,59m tại xã Tống Trân (QTHY7A).

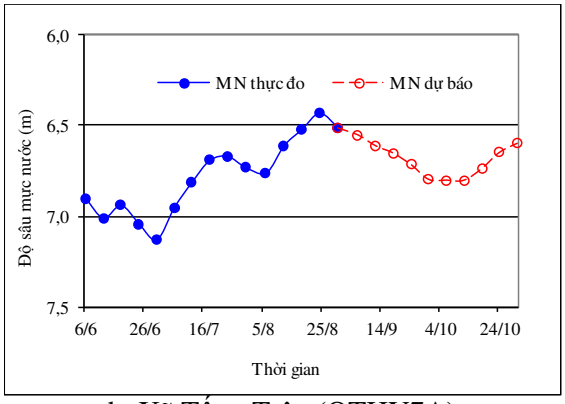
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 38 và bảng 18).



Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. TT Trần Cao (QTHY6A)



b. Xã Tống Trân (QTHY7A)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	TT. Trần Cao (QTHY6A)			xã Tống Trân (QTHY7A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	6,50	6,32	6,58	6,76	6,55	6,80
12	6,41	6,47	6,69	6,61	6,61	6,80
18	6,25	6,45	6,71	6,52	6,65	6,74
24	6,14	6,46	6,70	6,43	6,72	6,65
30	6,26	6,57	6,62	6,51	6,80	6,60
TB	6,31	6,45	6,66	6,57	6,66	6,72

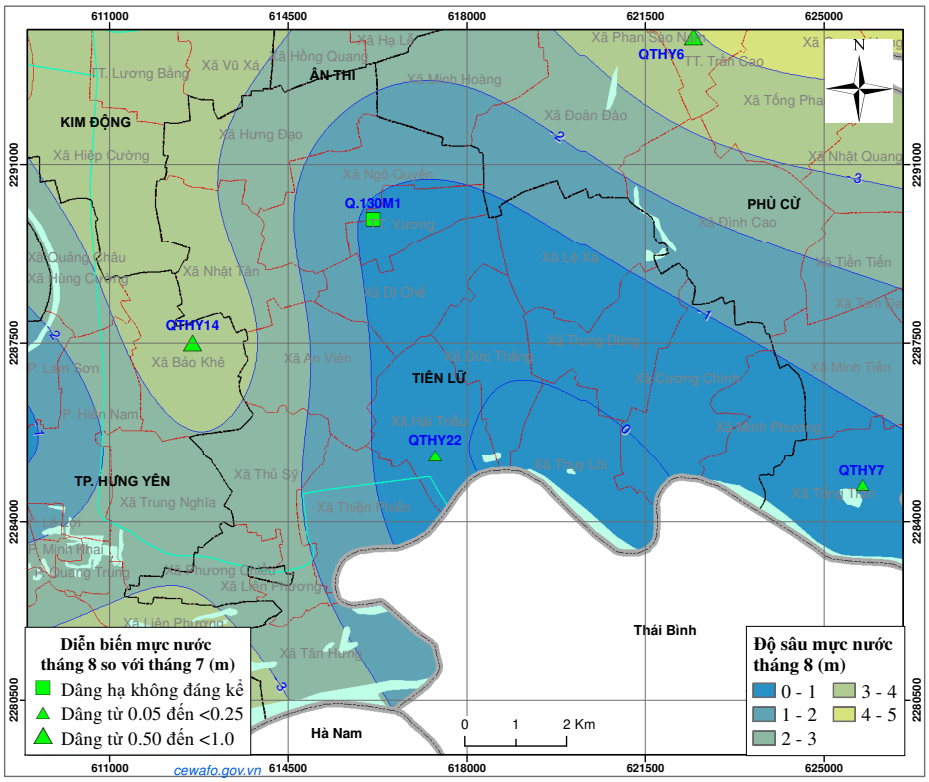
II.10. Huyện Tiên Lữ

II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

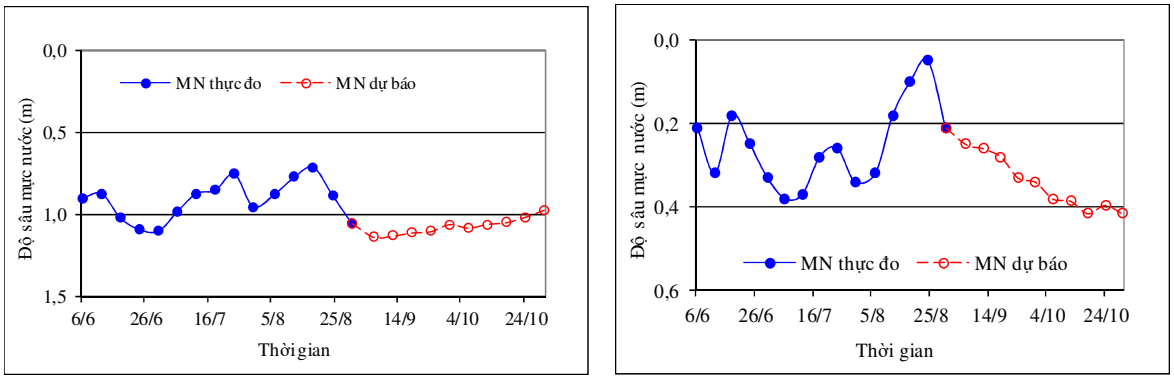
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,14m tại xã Hải Triều (QTHY22).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,18m tại xã Hải Triều (QTHY22), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 0,85m tại TT. Vương (Q.130M1).

Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 40 và bảng 19).



Hình 39. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qh



a. TT Vương (Q.130M1) b. xã Hải Triều (QTHY22)

Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

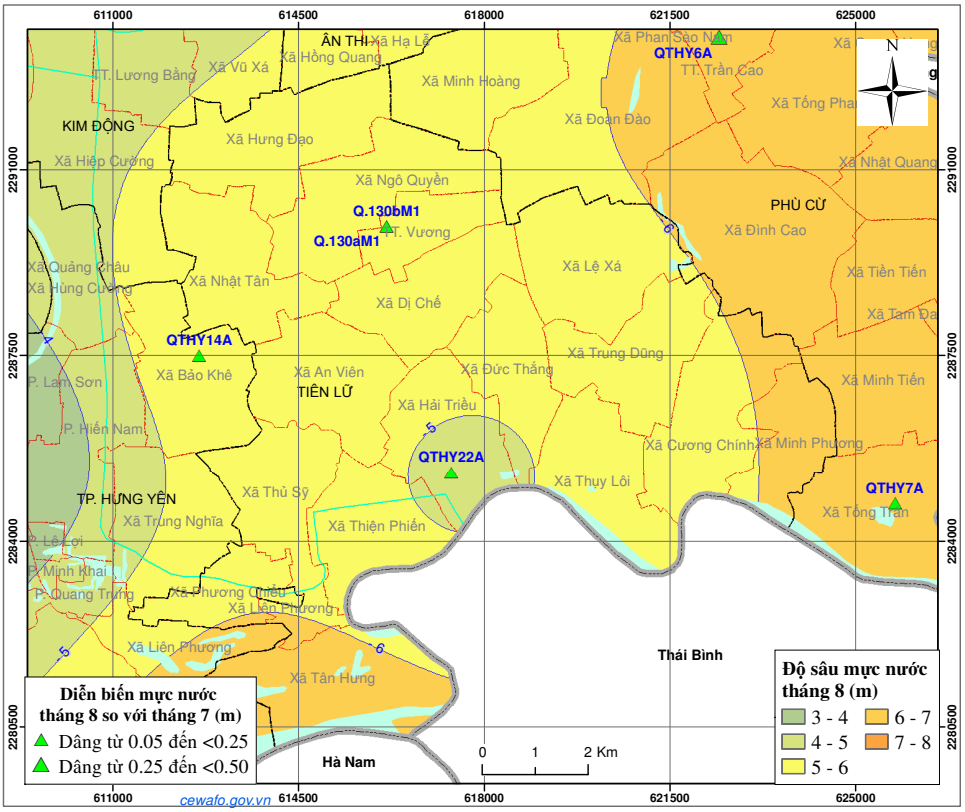
Ngày	TT. Vương (Q.130M1)			xã Hải Triều (QTHY22)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	0,87	1,14	1,08	0,32	0,25	0,38
12	0,77	1,13	1,06	0,18	0,26	0,39
18	0,71	1,11	1,05	0,10	0,28	0,42
24	0,88	1,10	1,01	0,05	0,33	0,40
30	1,05	1,06	0,97	0,21	0,34	0,42
TB	0,86	1,11	1,03	0,17	0,29	0,40

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

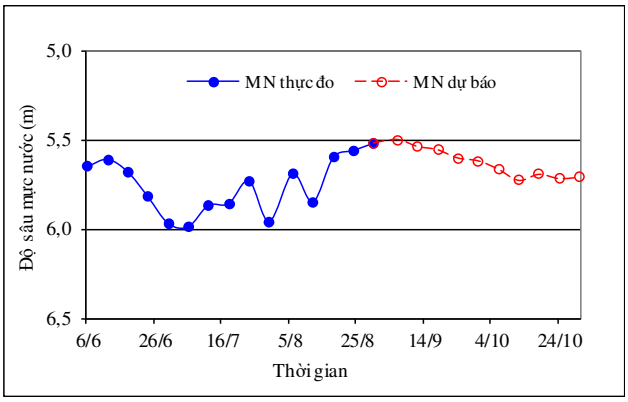
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,17m tại xã Hải Triều (QTHY22A).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,8m tại xã Hải Triều (QTHY22A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,74m tại TT. Vương (Q.130bM1).

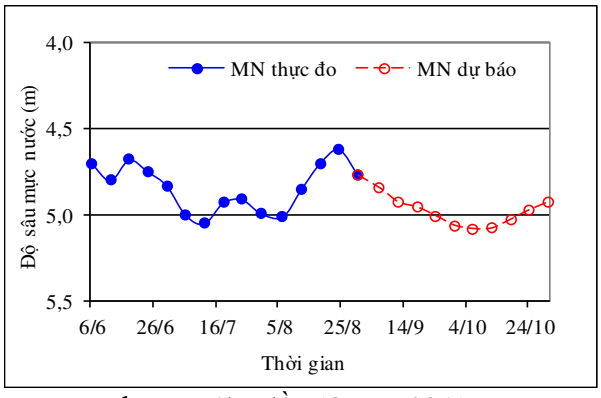
Dự báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 42 và bảng 20).



Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tầng qp



a. TT Vương (Q.130bM1)



b. xã Hải Triều (QTHY22A)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	TT. Vương (Q.130bM1)			xã Hải Triều (QTHY22A)		
	Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 8	Mực nước dự báo	
		tháng 9	tháng 10		tháng 9	tháng 10
6	5,69	5,50	5,56	5,01	4,85	5,08
12	5,85	5,49	5,63	4,85	4,93	5,08
18	5,60	5,46	5,59	4,70	4,96	5,03
24	5,56	5,50	5,62	4,62	5,01	4,97
30	5,52	5,52	5,61	4,77	5,06	4,93
TB	5,64	5,49	5,60	4,79	4,96	5,02